

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
TDG GLOBAL INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

-----*-----

Số/No: 2.402/2025/CBTT-TDG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom - Happiness**

-----*-----

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2025

Bacgiang, February 24, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM
HoChiMinh Stock Exchange

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
Organization name: TDG Global Investment Joint Stock Company
- Mã chứng khoán: TDG
Organization name: TDG Global Investment Joint Stock Company
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô D1, KCN Đình Trám, thị trấn Nénh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang
Address: D1, Dinh Tram industrial park, Nenh town, Viet Yen district, Bac Giang province
- Điện thoại: 0204.2244.903
Telephone: 0204.2244.903
- Fax: 0204.3661.311
- Người thực hiện công bố thông tin: Lê Minh Hiếu - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Persons to disclose informations: Le Minh Hieu – Position: General director
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global.
Contents of disclosure: Annual Report 2024
- Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố: www.thaiduongpetrol.vn
Website address where published information is posted: www.thaiduongpetrol.vn



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

We hereby certify that the information provided is true and correct and we will bear full responsibility to the law./

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024
Annual Report 2024

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSONS TO DISCLOSE INFORMATION**

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
GENERAL DIRECTOR OF THE COMPANY**



LÊ MINH HIẾU





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



TDG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
TDG GLOBAL**

Năm 2024





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL
MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	9
5. Định hướng phát triển	11
6. Báo cáo quản trị rủi ro.....	13
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024	16
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2. Tổ chức và nhân sự	17
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	23
4. Tình hình tài chính	23
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	25
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	27
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	28
2. Tình hình tài chính	29
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	31
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	33
1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	33
2. Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	33
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	34
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
1. Hội đồng quản trị	35
2. Ban kiểm soát.....	37
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	38
VI. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	40
VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)	40



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 13/07/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 05/11/2024.
- Vốn điều lệ: 232.427.320.000 đồng (*Hai trăm ba mươi hai tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 232.427.320.000 đồng (*Hai trăm ba mươi hai tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*)
- Địa chỉ: Lô Đ1 - KCN Đình Trám – Phường Nénh – Thị xã Việt Yên - Tỉnh Bắc Giang.
- Số điện thoại: (84-240) 2244.903
- Số fax: (84-240) 3661.311
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global tại: số 29 phố Giang Văn Minh, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- Website: <http://thaiduongpetrol.vn/>
- Mã cổ phiếu: TDG

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2005 với số vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất, chiết nạp đóng bình gas; mua bán khí đốt hóa lỏng; dịch vụ sang nạp bình gas; sản xuất nước uống tinh khiết; mua bán vỏ bình, bồn chứa gas; và một số sản phẩm phụ khác; kinh doanh vật liệu xây dựng (thép). Quá trình hình thành và phát triển công ty được chia làm 4 giai đoạn chính, cụ thể như sau:

❖ *Giai đoạn từ 2005 đến tháng 07/2007*

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global chính thức đi vào hoạt động vào ngày 13 tháng 07 năm 2005, với số vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng.

Trong giai đoạn khởi đầu này, tuy còn gặp nhiều khó khăn do mới gia nhập thị trường khí hóa lỏng (LPG) cùng với những biến động của giá xăng dầu thế giới và trong nước nhưng Công ty đã nỗ lực sản xuất, hoạt động và đạt được một số thành tựu đáng kể. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trung bình đạt 30 tỷ đồng/năm, mặt hàng kinh doanh chính là



Khí hóa lỏng (LPG) (tỷ trọng trên doanh thu khoảng 99%). Mới bước đầu đi vào hoạt động, tuy nhiên, Công ty đã có 160 tổng đại lý phân phối Gas Thái Dương trên hai địa bàn chính là tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh.

❖ *Giai đoạn từ tháng 07/2007 đến tháng 03/2011*

Với bước đệm vững chắc từ những năm đầu tiên xây dựng, Công ty tiến hành mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, mở rộng thị trường, để đáp ứng được những điều này, trong giai đoạn này, số vốn của công ty được tăng từ 2.000.000.000 đồng đến 22.000.000.000 đồng.

Một số thành tích đạt được trong giai đoạn này phải kể tới: doanh thu trung bình năm của công ty đã tăng từ 30 tỷ đồng/năm lên đến 73 tỷ đồng/năm và mặt hàng kinh doanh chính vẫn là Gas Thái Dương, sản lượng tiêu thụ Gas trung bình năm đạt 3.000 tấn/năm. Tiếp tục phát huy những thế mạnh trong giai đoạn trước, số lượng tổng đại lý của công ty cũng tăng từ 160 tổng đại lý lên 200 tổng đại lý. Thị trường kinh doanh đã được mở rộng sang một số tỉnh lân cận khác như Thái Nguyên.

❖ *Giai đoạn từ tháng 03 năm 2011 đến 2016*

Kể từ năm 2011 đến nay hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có nhiều chuyển biến tích cực. Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi sự tăng giảm bất thường của giá đầu khí thế giới dẫn tới giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động không ngừng, nhưng do những kinh nghiệm tích lũy được sau hơn 5 năm tham gia thị trường khí đốt, Công ty vẫn giữ được vị thế, không những vậy, Công ty tiếp tục tiến hành mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong năm 2015, số vốn điều lệ của công ty được tăng từ 22 tỷ đồng lên 108 tỷ đồng, sản lượng tiêu thụ năm tăng khoảng 96,7% so với giai đoạn trước (tăng từ 3.000 tấn/năm đến 5.900 tấn/năm) do đó, doanh thu trung bình năm cũng tăng lên 109 tỷ đồng. Thị trường hoạt động được mở rộng ra thêm một số thị trường khó tính hơn như Hà Nội.

Tính đến thời điểm 10/10/2016, vốn điều lệ của Thái Dương Gas cũng đã được tăng lên 129 tỷ đồng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi Đăng kí kinh doanh lần thứ 15 vào ngày 10/10/2016. Ngày 14/12/2016, Công ty đã chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 8291/UBCK-GSDC được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 14/12/2016 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương.

❖ *Giai đoạn từ 2016 đến 2024*

Ngày 15/06/2017, Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở giao dịch TP. Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu TDG và vốn điều lệ là 129 tỷ đồng. Tháng 10/2018 Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 2304/2018/NQĐHĐCD – TDG ngày 23/04/2018, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1805/2018/NQ – HDQT – TDG ngày 18/05/2018 của Công ty làm tăng vốn thêm 38.700.000.000 đồng. Vốn điều lệ của công ty sau khi thay đổi là 167.700.000.000 đồng

Tháng 7 năm 2021, Công ty quyết định bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh về: Sản xuất kinh doanh Năng lượng Điện Tái tạo; Chăn nuôi; Chăn nuôi hỗn hợp; Trồng cây hàng năm; Trồng cây lâu năm; Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Khai thác, thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ; Khai thác thủy sản và đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global.

Năm 2022, Công ty phát hành thành công 40.000.000.000 đồng trái phiếu.

Tháng 3/2023, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 3005/2022/NQ-ĐHĐCD/TDG ngày 30/05/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2612/2022/NQ-HĐQT/TDG ngày 26/12/2022 của Công ty làm tăng vốn điều lệ thêm 16.770.000.000 đồng. Vốn điều lệ của công ty sau khi thay đổi là 184.470.000.000 đồng.

Tháng 3/2023, Công ty phát hành thành công 40.000.000.000 đồng trái phiếu.

Tháng 11/2023, Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 0306/2023/NQ-ĐHĐCD/TDG ngày 03/06/2023, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1907/2023/NQ-HĐQT/TDG ngày 19/07/2023 của Công ty làm tăng vốn điều lệ thêm 9.223.410.000 đồng. Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 193.691.720.000 đồng.

Tháng 9/2024, Công ty phát hành thành công 100.000.000.000 đồng trái phiếu.

Tháng 10/2024, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo phương án phát hành đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 1705/2024/NQ-ĐHĐCD/TDG ngày 17/05/2024, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2708/2024/NQ-HĐQT/TDG ngày 27/08/2024 của Công ty làm tăng vốn điều lệ thêm 38.735.600.000 đồng. Vốn điều lệ hiện tại của công ty sau khi thay đổi là 232.427.320.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ *Ngành nghề kinh doanh:*



Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) ; sản phẩm chính công ty cung cấp ra thị trường là sản phẩm Gas Thái Dương.

❖ *Các sản phẩm chính của Công ty*

* *Gas Thái Dương*



Gas Thái Dương với sản phẩm bình gas 12kg đặc trưng mang thương hiệu Thái Dương Petrol có hai màu vỏ nhũ và xanh rất bắt mắt đã, đang và sẽ tạo ấn tượng tốt với người tiêu dùng với sản phẩm đáp ứng độ an toàn, chất lượng cao, mẫu mã cùng kênh phân phối đa dạng đến người tiêu dùng và dịch vụ khách hàng sau bán hoàn hảo.

Năm 2024, Công ty tập trung kinh doanh các mặt hàng như khí hóa lỏng (LPG), thép cuộn cán nóng, thép hình, thép tấm, thép góc, v.v....

* *Kinh doanh thép thương mại, xuất khẩu nông sản*

Năm 2024 đánh dấu cột mốc khó khăn của nền kinh tế trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong đó, sắt thép cũng là 1 trong những ngành công nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề. Thị trường chịu sự giảm sút mạnh mẽ cả về sản lượng tiêu thụ và giá bán. Nguyên nhân chính đã tác động đến tình trạng sụt giảm giá thép trong thời gian gần đây:

Thứ nhất, nguồn cung dồi dào và dư thừa sản xuất:

- Sản lượng thép toàn cầu tăng: Các quốc gia sản xuất thép hàng đầu như Trung Quốc, Ấn Độ và Nga tiếp tục duy trì sản lượng cao để đảm bảo việc làm và tăng trưởng kinh tế, dẫn đến dư cung.
- Tồn kho lớn: Do nhu cầu yếu từ năm trước, nhiều doanh nghiệp và nhà phân phối tích trữ lượng lớn thép, gây áp lực xả hàng trong năm 2024.

Thứ hai, nhu cầu tiêu thụ suy yếu:

- Ngành xây dựng và bất động sản chững lại: Nhiều quốc gia, đặc biệt là Trung Quốc và một số nước châu Âu, đối mặt với khủng hoảng bất động sản, khiến nhu cầu thép



xây dựng giảm mạnh. Các dự án hạ tầng bị trì hoãn hoặc cắt giảm ngân sách do lo ngại về lạm phát và chi phí vay vốn tăng.

- Suy giảm trong sản xuất công nghiệp: Ngành sản xuất ô tô, máy móc và thiết bị - những lĩnh vực tiêu thụ thép lớn - bị ảnh hưởng bởi chi phí đầu vào cao và nhu cầu yếu từ người tiêu dùng.

Thứ ba, chi phí nguyên liệu và năng lượng giảm:

- Giá quặng sắt và than cốc giảm: Giá các nguyên liệu đầu vào chính cho sản xuất thép hạ nhiệt nhờ nguồn cung ổn định và nhu cầu từ các nhà máy luyện thép giảm.
- Chi phí năng lượng giảm: Giá dầu và khí đốt ổn định hơn so với giai đoạn biến động mạnh năm 2023, giúp chi phí sản xuất thép giảm, kéo theo giá bán hạ.

Thứ tư, ảnh hưởng từ chính sách thương mại và môi trường:

- Chính sách bảo hộ thương mại: Một số nước tăng thuế chống bán phá giá, hạn chế nhập khẩu, làm giảm nhu cầu thép từ các nhà xuất khẩu lớn.
- Yêu cầu giảm phát thải carbon: Áp lực từ các chính sách giảm khí thải khiến một số nhà máy buộc phải cắt giảm sản lượng, nhưng trong ngắn hạn lại tạo ra biến động giá do tâm lý thị trường.

Mặc dù ngành thép đang phải đối mặt với những khó khăn và thách thức trong năm 2024, những vẫn có những cơ hội và tiềm năng như:

Cơ hội từ chính sách đầu tư công và hạ tầng:

- Gia tăng đầu tư hạ tầng: Nhiều quốc gia, đặc biệt là các nền kinh tế đang phát triển, tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào cơ sở hạ tầng, giao thông, và đô thị hóa. Điều này giúp nhu cầu thép trong xây dựng tăng trở lại từ nửa cuối năm 2024.
- Chính phủ hỗ trợ phục hồi kinh tế: Một số quốc gia ban hành các gói kích thích kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng, tạo động lực cho ngành thép phục hồi.

Xu hướng xanh hóa và thép thân thiện môi trường:

- Nhu cầu thép “xanh” tăng cao: Trước áp lực giảm phát thải carbon, nhu cầu đối với thép được sản xuất theo công nghệ sạch, ít khí thải đang tăng mạnh. Các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sản xuất thép xanh sẽ có lợi thế cạnh tranh.
- Hỗ trợ từ các quỹ môi trường: Doanh nghiệp sản xuất thép xanh có thể tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi từ quỹ bảo vệ môi trường hoặc các tổ chức quốc tế.



Cơ hội từ thị trường xuất khẩu mới:

- Tận dụng các hiệp định thương mại tự do (FTA): Các FTA tạo điều kiện giảm thuế quan, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các khu vực như ASEAN, EU, và Trung Đông.
- Dẩy mạnh vào các thị trường đang phát triển: Những quốc gia châu Phi, Nam Á đang đẩy mạnh xây dựng hạ tầng là thị trường tiềm năng cho thép thương mại.

Sự phục hồi của một số ngành tiêu thụ thép:

- Ngành ô tô và sản xuất máy móc phục hồi: Khi nhu cầu tiêu dùng dần cải thiện, các ngành sử dụng thép làm nguyên liệu như ô tô, điện tử, máy móc công nghiệp sẽ hỗ trợ cho nhu cầu thép.
- Phát triển năng lượng tái tạo: Nhiều dự án năng lượng gió, mặt trời đòi hỏi lượng lớn thép cho khung và kết cấu, mở ra cơ hội tiêu thụ thép chuyên dụng.

Theo báo cáo, ngành thép có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là ngành công nghiệp nền tảng, vật liệu đầu vào cho các ngành kinh tế quan trọng của đất nước như cơ khí chế tạo, công nghiệp hỗ trợ... Mặt khác, phát triển công nghiệp sản xuất thép lớn mạnh cũng là tạo nền tảng vững chắc và phát triển thị trường cho các ngành chế biến chế tạo, xây dựng, cơ khí... góp phần tạo nguồn cung ứng ổn định và nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của các ngành công nghiệp.

Ngành thép cũng đóng góp quan trọng cho quá trình chuyển dịch, đô thị hóa đất nước, tác động nhiều mặt đến sự phát triển kinh tế- xã hội. Với mức tiêu thụ thép trên bình quân đầu người của Việt Nam (khoảng 240kg/1 người/năm) còn rất thấp so với các nước trong khu vực như Malaysia, Trung Quốc, dư địa và tiềm năng phát triển của ngành thép Việt Nam trong thời gian tới là rất lớn. Mặc dù ngành thép có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng Bộ Công Thương cho rằng, tại thời điểm hiện tại, Việt Nam không có chính sách đặc thù, riêng biệt để thúc đẩy, cũng như định hướng để phát triển ngành thép.

Chính bởi vậy, trong những năm gần đây, công ty chú trọng mở rộng lĩnh vực kinh doanh và bắt đầu triển khai thương mại một số mặt hàng mới: các loại thép xây dựng và xuất khẩu một số loại nông sản xuất khẩu (chuối và thanh long). Những mặt hàng này đã đem lại doanh thu và lợi nhuận lớn cho công ty trong năm 2023, 2024.

** Kinh doanh cho thuê BDS công nghiệp và kinh doanh hạ tầng Cụm Công nghiệp*



Kể từ 2020 Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng nhà xưởng để cho thuê tại lô D1 khu công nghiệp Đình Trám, Việt Yên, Bắc Giang

Hiện nay, TDG đang thực hiện đầu tư Kinh doanh Hạ tầng Cụm Công nghiệp Bắc Sơn 2 tại Huyện Bắc Sơn, tỉnh Bắc Sơn với tổng suất đầu tư gần 300 tỷ đồng.

** Đầu tư sản xuất kinh doanh tại nước CHDC Nhân dân Lào*

Thực hiện hoạt động đầu tư tại khu vực Phabang, huyện Sepon, tỉnh Savannakhet, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào với tổng mức đầu tư là 19.000.000.000 đồng.

❖ Địa bàn kinh doanh:

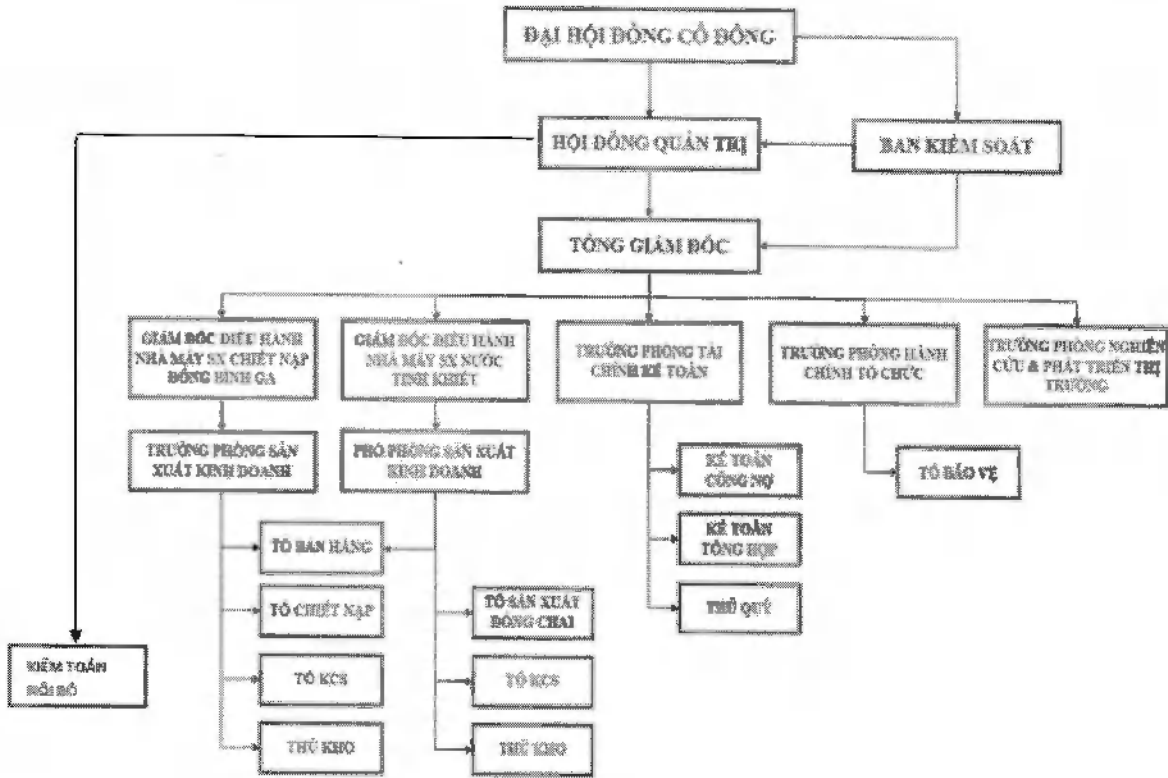
Kể từ khi thành lập, các sản phẩm của Công ty được cung cấp chủ yếu trên thị trường tỉnh Bắc Giang. Trong những năm gần đây, công ty đã mở rộng ra các thị trường khác tại các tỉnh lân cận như Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hà Nội... Thị phần của TDG năm 2017 khu vực phía Bắc là 3,45%. Năm 2018, Công ty đầu tư mở rộng hệ thống phân phối thông qua việc thực hiện đầu tư, liên doanh liên kết với một số đối tác để gia tăng được thị phần. Năm 2019 đến nay công ty vẫn duy trì mặt hàng gas (LPG) đồng thời kinh doanh thêm một số mặt hàng khác như vật liệu xây dựng (sắt thép, vật liệu xây dựng) với nhiều công ty ở các tỉnh, thành và hàng nông sản kể cả xuất khẩu sang Trung Quốc.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Dầu tư TDG Global được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm các bộ phận sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc; Các phòng ban chức năng.

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý



Diễn giải chức năng, vai trò của mỗi phòng ban:

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

• **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc: Tổng Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

• **Các phòng ban nghiệp vụ**

Các phòng ban nghiệp vụ: Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Công ty hiện có 4 phòng nghiệp vụ với chức năng được quy định như sau:

- *Phòng Sản xuất và Kinh doanh*: có chức năng kinh doanh và thực hiện các mục tiêu, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất. Có chức năng tổ chức thực hiện lập kế hoạch, quản lý kỹ thuật trong các lĩnh vực chuyên môn.
- *Phòng Tổ chức - Hành chính*: có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị.
- *Phòng Tài chính - Kế toán*: có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.
- *Phòng Marketing*: Có chức năng trong việc tìm hiểu thị trường, khai thác thị trường tiềm năng và thị trường sẵn có của Công ty, phân tích động thái thị trường nói chung và ngành gas khí hóa lỏng nói riêng. Mục tiêu của phòng marketing là sáng tạo sự độc đáo về mẫu mã, nối kết khách hàng với công ty và phát triển các kênh phân phối sản phẩm của Công ty đến người tiêu dùng.

❖ **Các công ty con, công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Power Trade

Tháng 12/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư TDG góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Power Trade với tỷ lệ sở hữu vốn 20%, tương ứng với số tiền góp vốn là 60 tỷ đồng.

5. Định hướng phát triển

❖ **Vị thế Công ty trong ngành**

Sản phẩm LPG đã có mặt tại miền Nam Việt Nam từ những năm 1957. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh, môi trường đầu tư thông thoáng hơn, ngày càng nhiều ngành nghề có nhu cầu sử dụng gas khá cao như: Nhà máy sản xuất gạch ceramic, mỹ nghệ, gốm, công nghệ nhuộm, sản xuất bao bì, cho kênh nhà hàng khách sạn, sản xuất thép, thức ăn công nghiệp như chung cất thức ăn gia súc, ngành sơn tĩnh điện cho bàn ghế tủ xe máy, sơn công nghiệp. Bên cạnh đó, đời sống nhân dân được cải thiện đã kích thích nhu cầu tiêu dùng gas trong các hộ gia đình, thị trường ngày càng trở nên sôi động và tăng trưởng với tốc độ khá cao qua từng năm với sự tham gia của các công ty công ty nổi tiếng trong nước và quốc tế như BP, Shell, Total, PTT, Petrogas.



CTCP Đầu tư TDG Global là một doanh nghiệp tư nhân có cơ sở hạ tầng ổn định, tài sản đất đai là đất dự án thuê 50 năm với ưu đãi thuế của Nhà nước. Trong tương lai, Công ty dự định tìm kiếm đầu tư từ các đối tác chiến lược để tăng cường năng lực tài chính và khả năng sản xuất.

Hiện nay, sản phẩm Gas Thái Dương là sản phẩm khí đốt hóa lỏng chủ đạo của tỉnh Bắc Giang, sản lượng sản phẩm của Công ty tại Bắc Giang chiếm đến 80% trên tổng lượng gas được tiêu thụ tại đây. Tiếp sau đó là các thị trường tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, sản phẩm Gas Thái Dương cũng chiếm thị phần tương đối lớn với con số lần lượt là 20%, 10%, 10%.

Đây là những thị trường mà Công ty đặt mục tiêu tiếp tục tăng lượng sản phẩm tiêu thụ, mở rộng thị phần trong tương lai. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động trên thị trường Hà Nội, và một số tỉnh thành khác. Thị trường Hà Nội mặc dù là một thị trường tiềm năng, tuy nhiên với áp lực về cạnh tranh với các đối thủ lớn như: Petrolimex, Thăng Long Gas, Việt Gas, ELFGas, và các hãng khác, cùng với yêu cầu của người tiêu dùng cao hơn, tỷ lệ thị phần của Công ty tại Hà Nội khiêm tốn hơn các địa bàn khác. Từ cơ cấu phân phối và thị phần trong ngành, có thể thấy, ngoài việc mở rộng sản xuất kinh doanh để tăng lợi nhuận, Công ty còn cần nỗ lực phát triển mạnh thương hiệu qua những phương tiện truyền thông để tăng thị phần tại các thị trường khác ngoài Bắc Giang, đồng thời mở rộng phạm vi hoạt động sang các khu vực khác bao gồm trong nước và ngoài nước, đưa thương hiệu Thái Dương Gas đến với nhiều người tiêu dùng hơn, sẵn sàng cạnh tranh với các đối thủ lớn, tại các thị trường lớn và khó tính.

❖ *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty*

Để đảm bảo sự phát triển bền vững, Công ty đã không ngừng mở rộng, xây dựng và phát triển theo hướng đa ngành, phù hợp với sự phát triển của cơ chế thị trường theo định hướng của Nhà nước, bảo đảm lợi ích hài hòa của Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động và nhà đầu tư. Cụ thể:

• **Mục tiêu 2025:**

- Tiếp nối thành công của những năm trước, năm 2025 Công ty tập trung vào mặt hàng Gas Thái Dương, mở rộng thị trường để phân phối cho các tỉnh thành lân cận như Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên. Đồng thời, năm 2025 Công ty sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm dịch vụ mang lại doanh thu lớn như: kinh doanh thép, vật liệu xây dựng, các sản phẩm nông nghiệp, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh nhà xưởng cho thuê, xây dựng và tổ chức chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghệ cao, sản xuất kinh doanh năng lượng điện tái tạo.



- Tiếp tục nghiên cứu về quy trình sản xuất để giảm thiểu chi phí nguyên vật liệu cũng như gia tăng năng suất lao động. Đồng thời quan tâm chặt chẽ vấn đề phòng cháy chữa cháy để hạn chế tối đa những nguy cơ cháy nổ gây thiệt hại về tài sản, tính mạng.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, sản phẩm để tìm ra hướng phát triển sản phẩm mới tối ưu nhất.
- Tiếp tục củng cố nâng cao trình độ của cán bộ công nhân viên trong Công ty.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường bằng cách xây dựng, mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm.

• **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Nghiên cứu và phát triển chăn nuôi bò chất lượng cao tại nước CHDCND Lào trên diện tích 150ha
- Tiếp tục đẩy mạnh làm chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Bắc Sơn 1 (23ha), Cụm công nghiệp Tân Thanh (70ha).
- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng sản lượng gas bình quân hàng năm khoảng 5%. Lợi nhuận tăng trưởng bền vững, đảm bảo chi trả cổ tức và lợi nhuận để tái đầu tư.
- Xây dựng cơ cấu tài chính hợp lý, an toàn và hiệu quả hơn.
- Kịch toán cơ cấu tổ chức, tiền lương, thưởng nhằm khuyến khích, tăng năng suất lao động cũng như tạo môi trường phù hợp cho cán bộ công nhân viên phát triển.
- Luôn xác định mức giá hợp lý cùng với một số hãng Gas khác nhằm bình ổn giá thị trường, đảm bảo hài hòa, tránh tình trạng bất ổn khi có sự thay đổi giá dầu mỏ hóa lỏng trong và ngoài nước.
- Cải tiến cơ cấu tổ chức, tiền lương, tiền thưởng hợp lý nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động cũng như tạo môi trường để mọi cán bộ công nhân viên đều có khả năng phát triển.

• **Các mục tiêu phát triển bền vững**

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động thiện nguyện, hướng về cộng đồng.
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và địa phương.
- Chú trọng phát triển cán bộ, công nhân viên trong toàn thể công ty.
- Chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, kiểm tra hệ thống bình chứa gas thường xuyên để tránh tình trạng rò rỉ gây nguy hiểm.

6. Báo cáo quản trị rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng ấn tượng với GDP tăng 7,09% so với năm 2023, vượt mục tiêu 6,5% đề ra. Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD, đưa Việt Nam đứng thứ 33 trên thế giới về quy mô kinh tế. Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm trước. Động lực chính cho tăng trưởng này đến từ khu vực công nghiệp và xây dựng, với mức tăng 8,32%, đóng góp 45,17% vào tổng giá trị tăng thêm. Khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%, trong khi nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%. Hoạt động xuất khẩu cũng ghi nhận kết quả khả quan, tăng 14,3% và đạt 405,53 tỷ USD, với các mặt hàng chủ lực như điện tử, điện thoại thông minh và may mặc. Nhập khẩu tăng 16,7%, đạt 380,76 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại 24,77 tỷ USD. Tuy nhiên, nền kinh tế cũng phải đối mặt với thách thức từ thiên tai, đặc biệt là siêu bão Yagi vào tháng 9/2024, gây thiệt hại khoảng 40 nghìn tỷ đồng (1,63 tỷ USD) và dự kiến làm giảm 0,15% tăng trưởng GDP năm 2024.

Do vậy, trong năm 2024, Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global đã cập nhật liên tục diễn biến tình hình kinh tế trong và ngoài nước, từ đó tiến hành phân tích, đánh giá và đưa ra các biện pháp kịp thời để hạn chế tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Rủi ro lạm phát:

Trong năm 2024, lạm phát tiếp tục là một trong những rủi ro kinh tế vĩ mô đáng lo ngại, ảnh hưởng sâu rộng đến tăng trưởng, đầu tư và đời sống người dân. Dù nhiều quốc gia đã áp dụng các biện pháp thắt chặt tiền tệ từ năm 2023, nguy cơ lạm phát kéo dài vẫn hiện hữu với những nguyên nhân và tác động cụ thể sau:

Giá năng lượng và hàng hóa biến động:

- Giá dầu, khí đốt, than và điện không ổn định: Xung đột địa chính trị và cắt giảm sản lượng từ OPEC+ có thể đẩy chi phí năng lượng tăng trở lại.
- Biến động giá thực phẩm: Thời tiết cực đoan, hạn hán và gián đoạn chuỗi cung ứng nông sản gây áp lực lên giá lương thực toàn cầu.

Chi phí sản xuất và logistics gia tăng:

- Gián đoạn chuỗi cung ứng: Tắc nghẽn vận chuyển (do xung đột, đình công hoặc thiên tai) làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu.
- Tăng giá vận chuyển và logistics: Khủng hoảng tại các tuyến hàng hải trọng yếu (như kênh đào Suez, Panama) đẩy chi phí logistics lên cao.

Chính sách tiền tệ và tài khóa:

- Chi tiêu công và hỗ trợ tài khóa lớn: Một số quốc gia tiếp tục bơm tiền hỗ trợ phục hồi kinh tế, dễ dẫn đến áp lực lạm phát cầu kéo.
- Chính sách tiền tệ chưa đồng bộ: Một số nước hạ lãi suất để hỗ trợ tăng trưởng, trong khi lạm phát chưa được kiểm soát hoàn toàn.

Năm 2024, rủi ro lạm phát vẫn là mối đe dọa đáng chú ý do biến động giá năng lượng, chi phí sản xuất tăng, gián đoạn chuỗi cung ứng và yếu tố tâm lý thị trường. Việc phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ - tài khóa cùng nỗ lực của doanh nghiệp và người dân là chìa khóa để giảm thiểu tác động tiêu cực từ lạm phát.

c. Rủi ro ngành

Đặc điểm của ngành gas là có tính cạnh tranh cao, nên đối với thị trường Bắc Giang Công ty vẫn còn gặp nhiều hạn chế khi phải đối mặt với các công ty có thương hiệu uy tín khác như Petrolimex, PetroVietnam gas, Gia Định gas,... Trước tình hình đó, Công ty đã đưa ra những chính sách bán hàng hợp lý nhằm tạo chỗ đứng và tiếp cận nhiều hơn với khách hàng.

Ngoài ra, Công ty còn đối mặt với sự cạnh tranh từ các nguồn nhiên liệu thay thế khác như biomass, than đá,... Tuy nhiên, cho đến hiện nay nhiên liệu gas vẫn luôn có thị phần ổn định trên thị trường, điều này giúp cho Công ty chiếm ưu thế lớn.

d. Rủi ro hoạt động

❖ *Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào:*

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global bao gồm gas, sắt thép dùng để chế tạo vỏ bình gas và nguồn nước khai thác từ lòng đất, cụ thể:

Các sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là gas nên giá mua từ các nhà cung cấp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Thông thường, giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ chiếm 80-90% giá thành phẩm do Công ty sản xuất ra. Năm 2024, cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu đã khiến cho giá các loại năng lượng nhập khẩu tăng mạnh, điều này làm cho giá các loại năng lượng sản xuất trong nước cũng tăng với các mức độ khác nhau.

❖ *Rủi ro an toàn trong lao động:*

Ngành khí đốt luôn phải đối mặt với rủi ro hỏa hoạn, sự cố máy móc, tai nạn giao thông, tai nạn lao động hay sét đánh, rò rỉ khí,... trong suốt quá trình vận hành, sản xuất, phân phối khí gas. Những sự cố xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, tiến độ thực hiện dự án cũng như uy tín



của Công ty với người lao động và khách hàng. Do đó, Công ty đã đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường, thực hiện an toàn lao động trên hết, xây dựng đầy đủ các phương án chữa cháy, ứng cứu khẩn cấp và thực hiện công tác kiểm định, bảo dưỡng hệ thống, nhà máy thường xuyên, giúp duy trì hoạt động ổn định, liên tục.

e. Rủi ro về môi trường:

Khí hóa lỏng tồn trữ ở trạng thái lỏng với áp suất cao, khi áp suất trong bình bị giảm hoặc LPG bị rò rỉ ra ngoài không khí chúng sẽ nhanh chóng hóa hơi ở điều kiện khí quyển và tạo hiệu ứng lạnh. Ngoài ra, LPG là chất lỏng dễ bay hơi nên khi rò rỉ ra môi trường thì LPG bốc hơi rất nhanh và hòa trộn với không khí tạo thành hỗn hợp chất nổ nguy hiểm. Vì vậy, hằng năm Công ty thực hiện các chương trình giám sát môi trường định kỳ theo đề án Bảo vệ môi trường được Cơ quan quản lý phê duyệt. Bên cạnh đó Công ty còn căn cứ theo Kế hoạch quan trắc môi trường tiến hành đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu khí, mẫu nước tại Công ty, đảm bảo các quy định về môi trường.

f. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, Công ty còn chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như: rủi ro luật pháp, rủi ro vận hành, rủi ro công nghệ thông tin... do vậy, Công ty luôn đề cao những chính sách phòng chống những rủi ro trên, thường xuyên theo dõi những biến động bất thường để có những biện pháp xử lý kịp thời.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Trong năm 2024, mặc dù thị trường kinh doanh LPG bị tác động lớn của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới và tình trạng cạnh tranh gay gắt ở các thị trường với nhiều thương hiệu lớn, nhưng kết quả hoạt động của công ty trong năm 2024 vẫn tăng nhẹ (8,55%) so với năm 2023. Cụ thể doanh thu năm 2024 của Công ty đạt 1.471 tỷ đồng.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần	1.355.457.685.468	1.471.321.770.177	8,55%
Doanh thu cung cấp hàng hóa	1.353.590.053.995	1.412.775.030.135	4,37%



Doanh thu bán thành phẩm	-	30.924.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.867.631.473	27.622.740.042	1.379%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán – Hợp nhất năm 2024 của công ty

So sánh kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 thực hiện với kế hoạch: Doanh thu thuần đạt 1.355 tỷ đồng đạt 94,46% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 4,17 tỷ đồng đạt 26,85% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 3,06 tỷ đồng, đạt 24,74% kế hoạch đã đề ra.

Bảng 2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024 so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	% TH/KH
Doanh thu thuần	1.471.321.770.177	1.490.000.000.000	98,75%
Lợi nhuận trước thuế	6.674.967.268	5.050.000.000	132,18%
Lợi nhuận sau thuế	5.658.226.259	4.040.000.000	140,06%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán – Hợp nhất năm 2024 của công ty

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách ban điều hành

❖ Hội đồng quản trị

- Ông Trương Đình Hải – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 25/02/1977

Số cổ phiếu nắm giữ: 2.019.720 cổ phiếu (chốt ngày 29/11/2024)

Tỷ lệ nắm giữ: 8,69%

- Ông Võ Anh Thái – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1962

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế - Đại Học Ngoại Thương

Số cổ phiếu nắm giữ: 966.521 cổ phiếu (chốt ngày 29/11/2024)

Tỷ lệ nắm giữ: 4,16%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1979 – 1982	Học tại Học viện Kỹ thuật quân sự Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc
1982 – 1987	Sinh viên Đại học ngoại thương Hà Nội
1982 – 1988	Đại học Sư phạm ngoại ngữ Hà Nội – Tiếng Anh
1993 – 1994	Cao học tại Học viện Quản lý kinh tế Hà Lan
1994 – 1998	Cao học tại Đại học ngoại thương Hà Nội
1988 – 2004	Chuyên viên Công ty XNK thiết bị toàn bộ và kỹ thuật, Bộ Thương mại
2004 - đến nay	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP sản xuất thương mại Thái Dương



2006 - đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dầu tư TDG Global
----------------	---

- Ông Lê Minh Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 17/05/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng - Học Viện Ngân Hàng

Số cổ phiếu nắm giữ: 1.668.420 cổ phiếu (chốt ngày 29/11/2024)

Tỷ lệ nắm giữ: 7,18%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1992 – 1996	Học viện Ngân hàng Hà Nội
1997 -1999	Chuyên viên Công ty TNHH Dầu khí Hà Nội
1999 – 2001	Phó phòng tại Xí nghiệp Gas – Công ty xây dựng Hà Nội
2001 – 2006	Phó Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại khí đốt Gia Định HN
2006 - đến nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu tư TDG Global
2006 - đến nay	Thánh viên HĐQT Công ty Cổ phần Dầu tư TDG Global

- Ông Đinh Phú Minh - Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 12/11/1979

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

- Ông Trần Đình Cơ - Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1959

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Cơ khí

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1977 – 1980	Trung cấp cơ khí
1980 – 1984	Chuyên viên tại Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo – Hà Nội
1984 – 1987	Bộ đội binh chủng Phòng không – Không quân
1987 – 1990	Thực tập sinh tại Tiệp Khắc
1990 – 1994	Học tại chức kinh tế tài chính Hà Nội
1994 – 2000	Chuyên viên Công ty Cổ phần Thái Lan – Thức ăn gia súc
2000 – 2005	Chuyên viên Công ty TNHH dịch vụ và thương mại khí đốt Gia Định HN



2007 – 2014	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty Cổ phần Khí đốt Thái Dương
2014 - Đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
2014 - Đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

b. Ban Tổng giám đốc

- Ông Lê Minh Hiếu - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Như trên
- Ông Nguyễn Hà Bắc - Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất

Ngày tháng năm sinh: 28/12/1986

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2005 – 2008	Chuyên viên tại Công ty Giấy Nam Giang
2008 – Nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

- Bà Nguyễn Thị Linh Hương - Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 04/10/1984

Trình độ chuyên môn: Trung cấp

Số cổ phiếu nắm giữ: 77.875 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0,402%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2005 – 2007	Kế toán tại Công ty dịch vụ điều hoà không khí Việt Nhật Veja
2007 – Nay	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

c. Ban kiểm soát

- Bà Lương Hải Yến – Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 26/07/1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
2006 – 2008	Kế toán tại Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hoàng Giang, Bắc Giang



2008-2013	Sinh viên Trường đại học Kinh tế Quốc dân
2013-2014	Kế toán tại Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hoàng Giang, Bắc Giang
2014 – T3/2017	Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
T3/2017 – nay	Trưởng Ban kiểm soát

- Ông Dương Đình Chiến – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 08/01/1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc Dân; Chứng chỉ kế toán trưởng

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.430 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0,007%

Quá trình công tác

Thời gian	Quá trình công tác
1990 – 1992	Trường Trung học Ngân hàng TW nay là Học viện Ngân hàng – Phân viện Bắc Ninh
1992 – 2001	Cán bộ Liên hiệp Khoa học sản xuất Mỏ - Hội Khoa học kỹ thuật Mỏ Việt Nam – 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội
1996 – 2001	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
2001 – 2005	Chuyên viên Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Thái Dương
2005 – Nay	Chuyên viên Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội
2015 – Nay	Hiện là học viên Cao học – Học viên công nghệ bưu chính viễn thông Việt Nam
2015 – 2017	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global
2017 – nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

- Bà Trần Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 03/07/1963

Trình độ chuyên môn: Đại học Ngoại Thương

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 0%

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
-----------	--------------------



1988 – 2003	Cán bộ phòng Tổ chức Công ty XNK Mỹ nghệ Thăng Long - Bộ Thương Mại. Công ty cử đi học chuyên tu tại Đại học ngoại thương, chuyên ngành kinh tế ngoại thương.
2003 – 2006	Phó Giám đốc CTCP Thương mại Xây dựng Đầu tư Bất động sản
2006 – Nay	Chuyên viên CTCP Đầu tư Bất động sản và Thương mại Thăng Long
2006 – nay	Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

d. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

e. Cán bộ, nhân viên

- Số lượng cán bộ nhân viên: Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số lượng cán bộ nhân viên tại Công ty là 14 lao động.
- Cơ cấu lao động như sau:

Bảng 3. Cơ cấu lao động năm 2024 (tính đến ngày 31/12/2024)

Loại lao động	Số lượng (Người)	Tỷ lệ
Phân theo trình độ học vấn	14	100%
Trên đại học, đại học	7	50%
Cao đẳng, trung cấp	3	21%
Trung học phổ thông	4	29%
Phân theo giới tính	14	100%
Nam	7	50%
Nữ	7	50%

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo và chế độ làm việc:
 - Chế độ làm việc: Thời gian làm việc 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.
 - Điều kiện làm việc: Người lao động được đảm bảo điều kiện lao động phù hợp với tiêu chuẩn, được trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân theo quy định.
 - Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập, để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng, hòa đồng với tập thể, gắn bó lâu dài với Công ty. Ứng viên nộp đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Tổ chức – hành chính xem xét hồ sơ và phỏng vấn sơ bộ, đề nghị Ban Tổng Giám đốc xem xét mời phỏng vấn chính thức. Ban Tổng Giám đốc quyết định việc chấp thuận ứng viên ký hợp đồng thử việc theo quy định của Luật lao động. Sau thời gian thử việc, Trưởng bộ phận căn cứ năng lực làm việc của nhân viên nhận xét vào Báo cáo thử việc của nhân viên thử việc, nếu đạt yêu cầu, nhân viên đó được Ban Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động chính thức.



Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên Công ty được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng và chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khoá học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty. Những nhân sự được cử đi đào tạo được hưởng nguyên lương, được Công ty đài thọ toàn bộ kinh phí khóa học. Ngoài các khóa huấn luyện và đào tạo do Công ty tổ chức, Công ty khuyến khích cán bộ – nhân viên tham dự các khóa đào tạo ngoài giờ làm việc. Sau khóa học nhân viên cung cấp văn bằng chứng chỉ tốt nghiệp, Công ty hỗ trợ thanh toán một phần kinh phí khóa học tùy thuộc vào kết quả đạt loại giỏi, khá, trung bình.

● **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

* **Chính sách lương**

- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo thời gian làm việc. Nhân viên được hưởng lương chính theo Hợp đồng lao động ký kết, các mức lương theo hợp đồng sẽ là căn cứ để Công ty tính khoản tiền đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật.

- Người lao động được trả lương làm thêm giờ khi làm việc ngoài thời giờ quy định theo quy định tại Điều 104 của Bộ luật lao động. Lương làm thêm giờ thực trả được tính:

- + Bằng 150% so với tiền lương thực trả của ngày bình thường;
- + Bằng 200% so với tiền lương thực trả của ngày nghỉ hàng tuần;
- + Bằng 300% so với tiền lương thực trả của ngày nghỉ lễ, tết.

- Mức lương bình quân qua các năm:

Mức lương trung bình người/tháng	2019	2020	2021	2022	2023	2024
	7.000.000	8.500.000	8.500.000	8.500.000	8.500.000	8.500.000

Mức lương bình quân qua các năm của Công ty có xu hướng tăng từ năm 2019 đến năm 2020. Năm 2020 đến năm 2024, mặc dù tình hình kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch covid-19 và hậu đại dịch, đồng thời chi phí sản xuất tăng cao do giá nguyên vật liệu đầu vào, lãi suất tăng mạnh, nhưng Công ty vẫn cố gắng duy trì mức lương ổn định cho người lao động, đảm bảo cuộc sống cho từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

* **Chính sách thưởng:**

Hàng tháng, căn cứ vào kết quả làm việc của CBCNV, Công ty có chính sách khen thưởng đối với các tập thể hoặc cá nhân có thành tích hoặc sáng kiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần thưởng được trả theo quyết định khen thưởng.

Ngoài ra, vào cuối mỗi năm tài chính, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chính sách khen thưởng thành tích dựa trên mức độ hoàn thành chỉ tiêu cá nhân trong đánh giá định kỳ hàng tháng. Mức thưởng này sẽ được quy định cụ thể, chi tiết và công bằng cho từng cấp độ Công nhân viên nhằm khen thưởng Công nhân viên theo mức độ hoàn thành mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc; tạo một môi trường thi đua lành mạnh để Công nhân viên phát huy



hết tiềm năng bản thân, thúc đẩy Công ty phát triển vững mạnh; đáp ứng nhu cầu được công nhận, là phương tiện để thông báo rộng rãi thành tích và sự nỗ lực cá nhân mà Công nhân viên đã thể hiện.

*** Chính sách bảo hiểm và phúc lợi:**

Người lao động sau khi ký kết hợp đồng lao động có thời hạn 3 tháng trở lên sẽ được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định. Phụ cấp suất ăn giữa ca, suất ăn tăng ca, phụ cấp làm thêm giờ...Xe đưa đón Công nhân viên ở xa nơi công tác, xe ô tô phục vụ các chuyến đi công tác xa. Các chế độ phúc lợi: Sinh nhật, tang ma, cưới hỏi, đau bệnh, phụ cấp tàu xe đi đường khi về thăm quê...Trang bị Bảo hộ lao động đầy đủ, đúng quy định Pháp luật. Chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường hoàn thiện.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

f. Các khoản đầu tư lớn: Không có

g. Các công ty con, công ty liên kết: Công ty Cổ phần Power Trade

Tháng 12/2023, Công ty Cổ phần Dầu tư TDG góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Power Trade với tỷ lệ sở hữu vốn 20%, tương ứng với số tiền góp vốn là 60 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

Bảng 4. Tình hình cơ cấu doanh thu năm 2023 và năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	654.285.422.870	861.157.358.402	31,62%
Doanh thu thuần	1.355.457.685.468	1.471.321.770.177	8,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.143.951.921	7.566.106.890	47,09%
Lợi nhuận khác	-968.722.793	-891.139.622	-8,01%
Lợi nhuận trước thuế	4.175.229.128	6.674.967.268	59,87%
Lợi nhuận sau thuế	3.064.968.954	5.658.226.259	48,67%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 – Hợp nhất của CTCP Dầu tư TDG Global

h. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 5. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,06	1,06
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,47	0,66



(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,64	0,72
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,74	2,53
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,05	6,8
Giá vốn hàng bán/BQ Hàng tồn kho			
+ Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,2	1,94
Doanh thu thuần/BQ Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/DTT	%	0,23	0,38
+ Hệ số LNST/VCSH	%	1,6	2,32
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	0,58	0,66
+ Hệ số LNHKD/DTT	%	0,38	0,51

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 – Hợp nhất của CTCP Đầu tư TDG Global



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 23.242.732 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000đ/cp
- Vốn điều lệ: 232.427.320.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

Bảng 6. Cơ cấu cổ đông CTCP Đầu tư TDG Global (*)

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
I.	Cổ đông trong nước và ngoài nước			
1.	Trong nước	2.303	23.241.287	99,994%
2.	Ngoài nước	11	1.445	0,006%
II.	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
1.	Tổ chức	15	36.050	0,155%
2.	Cá nhân	2.299	23.206.682	99,845%
III.	Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ			
1	Cổ đông lớn	2	3.688.140	15,87%
2	Cổ đông nhỏ	2.312	19.554.592	84,13%
IV.	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0%
2	Cổ đông khác	2.314	23.242.732	100%

(*) Cơ cấu cổ đông dựa trên Danh sách cổ đông do VSDC cung cấp tại ngày 24/10/2024



c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Từ ngày hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã tiến hành tăng vốn 10 lần từ 2.000.000.000 đồng lên 232.427.320.000 đồng, cụ thể:

Bảng 7. Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời gian phát hành	Loại Phát hành	VĐL trước phát hành (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	SL cổ đông trước phát hành (Cổ đông)	Số lượng cổ đông sau phát hành (Cổ đông)
1	01/2007	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	2.000.000.000	4.000.000.000	03	03
2	11/2007	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	4.000.000.000	8.000.000.000	03	03
3	06/2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	8.000.000.000	12.000.000.000	03	03
4	03/2009	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	12.000.000.000	16.000.000.000	03	03
5	03/2011	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	16.000.000.000	22.000.000.000	03	03
6	08/2015	Phát hành riêng lẻ	22.000.000.000	108.000.000.000	03	14
7	09/2016	Phát hành riêng lẻ	108.000.000.000	129.000.000.000	111	114
8	10/2018	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	129.000.000.000	167.700.000.000	1.296	1.296
9	03/2023	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	167.700.000.000	184.470.000.000	2.910	2.910
10	11/2023	Phát hành ESOP	184.470.000.000	193.691.720.000	2.976	2.976
11	10/2024	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	193.691.720.000	232.427.320.000	2.314	2.314

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global không cổ phiếu quỹ. Trong năm 2024 công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác

Ngoài cổ phiếu phổ thông, Công ty không có các loại chứng khoán khác

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Sản phẩm kinh doanh chủ yếu của Công ty là Gas, do vậy công tác vận chuyển, lưu kho, lưu trữ rất cần được chú trọng do liên quan đến công tác an toàn, phòng chống cháy nổ. Tại Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global quá trình quản lý hàng tồn kho, công tác vận chuyển, bán hàng luôn được quan tâm đầu tư chú trọng, chính sách quản lý chi phí hợp lý, vừa đảm bảo tiết kiệm vừa đảm bảo an toàn hiệu quả.

b. Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2024, Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng ở tất cả các khâu trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm hướng đến mục tiêu vì một môi trường xanh, sạch và hiệu quả.

c. Tiêu thụ nước

❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước sạch sử dụng được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang từ tháng 10/2012. Tính đến nay, Công ty khai thác và sử dụng nước theo sự cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang.

d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ, không vi phạm các quy định pháp luật về môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global công tác bảo vệ môi trường vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ, do vậy Công ty không ngừng tuyên truyền cho từng cán bộ công nhân viên trong Công ty nhằm nâng cao nhận thức của người lao động về công tác bảo vệ môi trường.

e. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global xây dựng chính sách dựa trên nguyên tắc đảm bảo công bằng, cạnh tranh và hợp lý với phương pháp đánh giá theo năng lực, vị trí, hiệu quả công



việc. Bên cạnh đó, hằng năm Công ty còn thực hiện công tác rà soát, kiểm tra tình hình lao động, đảm bảo sức khỏe cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Bên cạnh đó, hằng năm Công ty còn tổ chức các chuyến tham quan du lịch, các hoạt động văn hóa nhằm tạo ra sân chơi lành mạnh, kích lệ tinh thần một cách hiệu quả, an toàn, tiết kiệm giúp tái tạo sức lao động để bắt đầu lại công việc hăng hái hơn. Công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên trong Công ty luôn được chú trọng. Ngoài các khóa huấn luyện và đào tạo do Công ty tổ chức như: việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng và chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty, các khóa học đào tạo bên ngoài theo kế hoạch của Công ty, ... Công ty còn khuyến khích cán bộ - nhân viên tham dự các khóa đào tạo ngoài giờ làm việc và có hỗ trợ thanh toán một phần kinh phí khóa học tùy thuộc và kết quả đạt được.

f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài các mục tiêu kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global còn rất chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội. Năm 2024, công ty đã có những hoạt động thiết thực như hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Hòa Bình và Lạng Sơn, v.v..... Công ty hy vọng góp sức mình nhằm đem lại những giá trị thiết thực, nâng cao đời sống của cộng đồng.

g. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện báo cáo này do chưa có hướng dẫn cụ thể của UBCKNN.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Nền kinh tế thế giới trong năm vừa qua đã phải đối mặt với những tác động nặng nề từ yếu tố lạm phát cao, chính sách tiền tệ thật chặt nhằm kiểm chế lạm phát của các nền kinh tế lớn, khủng hoảng năng lượng, các cuộc xung đột quân sự, vv..., điều này đã làm ảnh hưởng tiêu cực tới tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Thị trường LPG đầu ra tiếp tục chịu sự cạnh tranh gay gắt với sự tham gia của hàng trăm doanh nghiệp kinh doanh gas với hàng trăm thương hiệu khác nhau. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong ngành hàng tiếp tục gây khó khăn cho nhiều doanh nghiệp kinh doanh tuân thủ pháp luật. Công ty tiếp tục bị cạnh tranh trực diện của các đối thủ về sản phẩm, giá cả, dịch vụ và kênh phân phối.



Trước những biến động đó, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực triển khai các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã nỗ lực tìm nhiều dự án để mở rộng kinh doanh thương mại các mặt hàng mang lại doanh thu lớn phù hợp với nhu cầu của thị trường trong năm qua như thép cuộn cán nóng, thép hình, thép tấm, v.v... và các sản phẩm nông nghiệp. Cụ thể như sau:

Bảng 8. Tình hình hoạt động của CTCP Đầu tư TDG Global trong năm 2024 so với năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ thực hiện năm 2024/2023	Tỷ lệ TH/KH (%)
				(%)	
Doanh thu thuần	1.471.321.770.177	1.490.000.000.000	1.355.457.685.468	108,55%	98,75%
Lợi nhuận trước thuế	6.674.967.268	5.050.000.000	4.175.229.128	159,87%	132,18%
Lợi nhuận sau thuế	5.658.226.259	4.040.000.000	3.805.946.861	148,67%	140,06%

Bảng 9. Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị	Tỷ lệ/DTT(%)	Giá trị	Tỷ lệ/DTT(%)
Giá vốn hàng bán	1.285.881.480.208	94,87%	1.409.254.118.076	95,78%
Chi phí tài chính	28.964.163.139	2,14%	30.294.630.276	2,06%
Chi phí bán hàng	31.844.958.753	2,35%	21.588.654.172	1,47%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.445.000.287	0,40%	4.787.189.128	0,33%
Chi phí khác	968.727.794	0,07%	2.911.290.423	0,2%
Tổng chi phí	1.353.104.330.181	99,83%	1.468.835.882.075	99,83%

Trong các loại chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất và tỷ lệ so với doanh thu thuần cũng lớn nhất, phù hợp với mô hình công ty sản xuất là chính. Trong năm 2024, tỷ lệ Tổng chi phí so với Doanh thu thuần có xu hướng tăng là do trong năm giá nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh. Các chi phí khác cũng giảm đáng kể do công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm tiết giảm chi phí.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản



Bảng 10. Tình hình tài sản của Công ty cuối kỳ năm 2023 và 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	% tăng giảm
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	394.685.923.190	507.591.542.450	112.905.619.260	28,61%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	12.585.624.203	50.774.077.928	38.188.453.725	303,4%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.886.060.400	38.965.825.600	(3.920.234.800)	-9,14%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	107.846.554.217	220.512.103.011	112.665.548.794	104,5%
4. Hàng tồn kho	221.414.034.847	193.100.615.136	-28.313.419.711	-12,79%
5. Tài sản ngắn hạn khác	9.953.649.523	4.238.920.775	-5.714.728.748	-57,4
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	259.599.499.680	353.565.815.952	93.966.316.272	36,2%
1. Các khoản phải thu dài hạn	60.000.000	60.000.000	0	-
2. Tài sản cố định	13.704.567.896	25.399.719.932	-963.955.020	-7,03%
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>11.171.380.214</i>	<i>11.239.107.064</i>	<i>-705.773.196</i>	<i>-5,9%</i>
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>2.451.681.862</i>	<i>1.419.999.992</i>	<i>-258.181.824</i>	<i>-15,38%</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>81.505.820</i>	<i>81.505.820</i>	<i>0</i>	<i>-</i>
3. Tài sản dở dang dài hạn	-	56.636.026.339	56.636.026.339	-
4. Đầu tư tài chính dài hạn	60.000.000.000	59.998.091.475	-1.908.525	-0,003%
5. Tài sản dài hạn khác	185.834.931.784	224.131.085.262	38.296.153.478	20,61%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	654.285.422.870	861.157.358.402	206.871.935.532	31,6%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 – Hợp nhất của CTCP Đầu tư TDG Global

b. Tình hình nợ phải trả

Bảng 5. Tình hình nguồn của Công ty cuối kỳ năm 2023 và 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	31/12/2023	31/12/2024	Chênh lệch	% tăng giảm
A NỢ PHẢI TRẢ	415.687.047.707	616.906.911.965	201.219.864.258	48,41%
I. Nợ ngắn hạn	371.158.051.635	477.355.475.938	106.197.424.303	28,61%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	81.697.257.778	127.741.953.394	46.044.695.616	56,36%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	367.301.267	1.026.088.104	658.786.837	179,36%
4. Phải trả người lao động	134.345.651	124.450.150	-9.895.501	-7,37%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	822.096.049	1.730.695.582	908.599.533	110,52%
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.198.000.890	1.253.826.000	55.825.110	4,66%
7. Phải trả ngắn hạn khác	132.000.000	-	-132.000.000	-



8. Vay và nợ thê tài chính ngắn hạn	286.807.050.000	345.478.462.708	58.671.412.708	20,46%
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
II. Nợ dài hạn	44.528.996.072	139.551.436.027	95.022.439.955	216,9%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	238.598.375.163	244.250.446.437	5.652.071.274	2,37%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	193.691.720.000	232.427.320.000	38.735.600.000	20%
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	44.906.655.163	11.823.126.437	-33.083.528.726	-73,67%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	654.285.422.870	861.157.358.402	206.871.935.532	31,6%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 – Hợp nhất của CTCP Đầu tư TDG Global

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Nhằm nỗ lực đạt được các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra và đảm bảo an toàn trong kinh doanh, năm qua Ban Giám đốc đã thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy doanh số bán hàng, tăng cường sức cạnh tranh, mở rộng thị phần. Tùy thuộc vào tình hình thực tế triển khai Ban Giám đốc đã thực hiện linh hoạt các chính sách bán hàng, giảm giá, chiết khấu nhằm thúc đẩy chỉ tiêu kinh doanh, tạo mối quan hệ sâu rộng với hệ thống phân phối

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, công tác đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường luôn được Ban Giám đốc đầu tư chú trọng. Đồng thời, thực hiện khuyến khích người lao động đưa ra ý tưởng sáng tạo nhằm tạo hiệu quả trong công việc và tiết giảm chi phí một cách tối ưu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2025, công ty tiếp tục duy trì và thực hiện một số kế hoạch nghiên cứu các cơ hội đầu tư mới để tăng doanh thu và lợi nhuận trong năm 2024:

- **Đầu tư dự án cụm công nghiệp Bắc Sơn 1 tại huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.**

Tổng mức đầu tư dự kiến: 250.000.000.000 đồng

- **Đầu tư dự án cụm công nghiệp Bắc Sơn 2 tại thôn Hồng Vi, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.**

Tổng mức đầu tư dự kiến: 285.000.000.000 đồng

- **Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (thanh toán tiền mua nhiên liệu khí hóa lỏng, thép để sản xuất bình ga, hàng hóa vật liệu xây dựng để kinh doanh,...)**



- **Đầu tư xây dựng Cây Xăng Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang.**

Tổng mức đầu tư dự kiến: 4.000.000.000 đồng

- **Đầu tư dự án trang trại chăn nuôi hồ chất lượng cao trên diện tích 150ha tại tỉnh Savannakhet, CHDCND Lào.**

Tổng mức đầu tư dự kiến: 19.000.000.000 đồng

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình ;
- Công ty có khí thải ra môi trường qua việc sử dụng ô tô Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- 100% Cán bộ nhân viên được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được công ty tham gia đóng bảo hiểm và mua bảo hiểm tự nguyện;
- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động theo đúng quy chế lương, đảm bảo đúng thời hạn;
- Công ty thực hiện thưởng các ngày lễ tết trong năm, thường xuyên thăm hỏi các cán bộ nhân viên khi ốm đau và chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Cùng với hoạt động sản xuất, Công ty không ngừng thúc đẩy các hoạt động đóng góp cho xã hội nhằm hướng tới triết lý “ Kyosei” – Tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo và văn hóa, cùng nhau chung sống và làm việc hòa hợp để hướng tới tương lai. Các hoạt động xã hội của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global bao gồm 4 chủ đề chính: Preserve environment & culture (Gìn giữ môi trường và bảo tồn văn hoá); For the next generation (Vi thể hệ tương lai); For the industrialization (Vi sự nghiệp công nghiệp hoá); Smiles to everyone (Đem nụ cười đến với mọi người).



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024 diễn ra trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động lớn, đặc biệt là thị trường bất động sản suy giảm, thị trường trái phiếu doanh nghiệp gần như đóng băng, giá cả chi phí đầu vào, chi phí nguyên vật liệu, giá xăng dầu, vật tư tăng cao, v.v... tập thể lãnh đạo và người lao động trong Công ty đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao, các chỉ tiêu doanh thu và giá trị SXKD:

- Doanh thu đạt: 1.47 tỷ đồng/ KH: 1.49 tỷ đồng (đạt 98,75%)
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 5,658 tỷ đồng / KH: 4,040 tỷ đồng (đạt 140,06%)

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp và các pháp luật liên quan. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng quy định. Hội đồng quản trị đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế tại Công ty để đề ra và phát triển khai các Nghị quyết thực hiện.

2. Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban điều hành Công ty đã triển khai hầu hết các nhiệm vụ theo đúng chủ trương Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT. Năm 2024, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT như sau:

❖ *Thông qua cơ chế báo cáo định kỳ:*

Trong quá trình hoạt động, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, bán niên và thường niên về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty gửi đến HĐQT. Ngoài ra, công tác giám sát còn được HĐQT triển khai gián tiếp thông qua các chi đạo rà soát lại các quy trình nhằm củng cố tổ chức hoạt động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, hoạt động minh bạch. Trong các kỳ họp HĐQT, HĐQT cũng đã yêu cầu Công ty tăng cường công tác Quản trị rủi ro trong những giai đoạn thị trường diễn biến phức tạp.

❖ *Thông qua các chỉ đạo, nghị quyết HĐQT tại các cuộc họp của HĐQT trong năm 2024:*

Với các mục tiêu được thống nhất trong các cuộc họp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai và giám sát thực hiện một cách hiệu quả. Năm 2024, sự quyết tâm nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty cũng như sự nhạy bén, năng động của Ban Tổng Giám đốc đã giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tích cực.



❖ **Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát:**

Năm 2024, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện kiểm soát toàn bộ các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định của pháp luật và phân công của HĐQT. HĐQT đã phối hợp tích cực với Ban kiểm soát duy trì sự an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty.

HĐQT đánh giá cao công tác quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc, đã tổ chức quản lý, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty; hoàn thành tốt các định hướng và nhiệm vụ mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra. Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ Điều lệ công ty, quy định của pháp luật và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo sự phát triển và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều tăng trưởng, tình hình tài chính lành mạnh; Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào định hướng phát triển Công ty, Hội đồng quản trị đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh và phương hướng hoạt động trong năm tới như sau:

- Tập trung rà soát các quy trình, quy chế của Công ty nhằm hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động của TDG; Xây dựng bộ máy quản trị chặt chẽ, không ngừng nâng cao chất lượng quản trị nội bộ của Công ty;
- Chú trọng việc cân bằng giữa mục tiêu tài chính với các mục tiêu phi tài chính để đảm bảo công ty phát triển một cách bền vững và có những bước tiến vững chắc trong bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt và nhiều biến động.
- Đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào các hoạt động của Công ty vừa nâng cao sức mạnh nội tại vừa tiết giảm chi phí hoạt động, giảm giá thành sản phẩm; nâng cao năng suất lao động;
- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động hiệu quả, áp dụng công cụ quản lý tiên tiến nhằm phù hợp với yêu cầu mới; hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, đảm bảo hoạt động Công ty luôn an toàn và đúng theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- Thực hiện đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư, dự án kinh doanh, đẩy nhanh công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các bộ phận.



- Tăng cường chỉ đạo hoàn thiện công tác quản trị rủi ro doanh nghiệp, quản trị rủi ro dự án. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế đánh giá, cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác quản lý các nguồn lực như nhân lực, tài sản, nguồn vốn.
- Xây dựng Ban pháp chế để cập nhật các luật, thông tư, nghị định. Đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của các đơn vị trong toàn hệ thống, nâng cao hơn nữa vai trò, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban kiểm soát cả về chất lượng và số lượng.
- Tiếp tục cải thiện môi trường, nâng cao điều kiện, môi trường làm việc cho người lao động, quyết tâm duy trì thời gian làm việc của người lao động như hiện tại, chăm lo tốt các chế độ chính sách cho người lao động, làm tốt công tác từ thiện xã hội.
- Nghiên cứu, mở rộng thị phần ra các tỉnh lân cận, đồng thời tập trung mở rộng thị phần tại các thị trường hiện có nhằm đẩy mạnh quảng bá hình ảnh sản phẩm Gas Thái Dương.
- Xúc tiến các dự án đầu tư đang và sẽ thực hiện trong năm 2024 và những năm tới.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Bảng 11. Cổ phiếu sở hữu cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Trương Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	2.019.720	8,69%
2	Võ Anh Thái	Thành viên HĐQT	966.521	4,16%
3	Lê Minh Hiếu	Thành viên HĐQT kiêm TGD	1.668.420	7,18%
4	Trần Đình Cơ	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Đình Phú Minh	Thành viên HĐQT	0	0%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, công ty tổ chức 17 cuộc họp Hội đồng quản trị để xin các ý kiến thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các trình tự, thủ tục thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích tối đa cho cổ đông. Các Nghị quyết này đều được HĐQT thông qua sau cuộc họp. Nội dung các cuộc họp HĐQT cụ thể như sau:



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0401/2024/NQ-HĐQT/TĐG	04/01/2024	Sửa đổi bổ sung Nghị quyết HĐQT số 2707/2023/NQ-HĐQT/TĐG
2	2602/2024/NQ-HĐQT/TĐG	26/02/2024	Thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
3	2103/2024/NQ-HĐQT/TĐG	21/03/2024	Thông qua triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
4	0104/2024/NQ-HĐQT/TĐG	01/04/2024	Thông qua triệu tập Hội nghị người sở hữu trái phiếu gói TDGH2326001 năm 2024
5	0304/2024/NQ-HĐQT/TĐG	03/04/2024	Thông qua chuyển nhượng một phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global tại Công ty TNHH 1TV Đầu tư hạ tầng TDG Global
6	0305/2024/NQ-HĐQT/TĐG	03/05/2024	Thông qua bổ sung nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và Bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
7	1705.01/2024/NQ-HĐQT/TĐG	17/05/2024	Thông qua đề cử ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT
8	1705.02/2024/NQ-HĐQT/TĐG	17/05/2024	Thông qua bầu Chủ tịch và các Phó chủ tịch HĐQT
9	0606/2024/NQ-HĐQT/TĐG	06/06/2024	Thông qua việc Ủy quyền các công việc thuộc trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT cho các thành viên khác trong HĐQT
10	0706/2024/NQ-HĐQT/TĐG	07/06/2024	Thông qua việc sửa đổi điều lệ công ty theo nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 theo Nghị quyết số 1705/2024/NQ-ĐHĐCĐ/TĐG
11	1507-1/2024/NQ-HĐQT/TĐG	15/07/2024	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu Esop
12	1507-2024/NQ-HĐQT/TĐG	27/07/2023	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023



13	2807/2024/NQ-HĐQT/TDG	28/07/2024	Thông qua lịch trình triển khai các phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
14	1109/2024/NQ-HĐQT/TDG	11/09/2024	Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ 2024
15	1709/2024/NQ-HĐQT/TDG	17/09/2024	Tạm dừng thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng
16	2510/2024/NQ-HĐQT/TDG	25/10/2024	Thông qua kết quả phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023
17	0412/2024/NQ-HĐQT/TDG	04/12/2024	Thông qua phương án và hồ sơ phát hành cổ phiếu Esop

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2024, Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập luôn hoàn thành tốt theo đúng quy định của pháp luật.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc Công ty đã từng tham gia một số khóa đào tạo về quản trị công ty. Hiện Công ty đang xúc tiến các thủ tục để triển khai việc tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị hơn trong thời gian tới.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
-----	-----------	---------	--------------------	------------------



BAN KIỂM SOÁT				
1	Lương Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Dương Đình Chiến	Thành viên BKS	1.716	0,007%
3	Trần Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0	0%

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu tư TDG Global, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của Công ty niêm yết, Quy chế quản trị công ty, trong năm 2024, BKS đã thực hiện được những công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành quản lý công ty.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, 06 tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của công ty.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các định kỳ của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng, năm của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Trong năm 2024, lương của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong là 710.920.615 đồng. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Thù lao (VND)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	
2	Thành viên HĐQT	144.000.000	
3	Tổng Giám đốc	410.920.615	
4	Trưởng Ban Kiểm soát	48.000.000	
5	Thành viên Ban Kiểm soát	72.000.000	



b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

ST T	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Trương Đình Hải		Chủ tịch Hội đồng quản trị	2.019.720	8,69%
1.1	Trương Văn Nguyên			0	0%
1.2	Phan Thị Nga			0	0%
1.3	Trương Đình Hà			0	0%
1.4	Trương Văn Dũng			0	0%
1.5	Trương Thúy Anh			0	0%
1.6	Đình Lan Hương			0	0%
1.7	Phạm Công Hạnh			48.720	0,21%
1.8	Trương Gia Long An			0	0%
1.9	Trương Gia Phú Quý			0	0%
1.10	Trương Gia Hải Long			0	0%
1.11	Trương Gia Long Phú			0	0%
2	Võ Anh Thái		Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	966.521	4,16%
2.1	Phạm Thị Hoàn			0	0%
2.2	Trần Thị Thanh Thủy			0	0%
2.3	Võ Thái Dương			0	0%
2.4	Đặng Phương Linh			0	0%
2.5	Võ Trần Thái Trung			0	0%
2.6	Nguyễn Mẫn Thủy Tiên			0	0%
2.7	Võ Thị Hồng Tâm			0	0%
2.8	Thái Văn Thụy			0	0%
2.9	Võ Hồng Sơn			0	0%
2.10	Nguyễn Thị Thùy Dương			0	0%





ST T	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
2.11	CTCP Sản xuất thương mại Thái Dương			0	0%
3	Lê Minh Hiếu		TV HĐQT	1.668.420	7,18%
3.1	Trần Thị Thiện			0	0%
3.2	Nguyễn Thị Xuân Phương			0	0%
3.3	Lê Bảo Phương Khuê			0	0%
3.4	Lê Bảo Khiêm			0	0%
3.5	Lê Mạnh Hùng			0	0%
3.6	Lê Anh Cường			0	0%

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

VI. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2024, công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về quản trị công ty. Công ty đã tiến hành thành lập Ban Kiểm toán nội bộ vào ngày 02/11/2021 và đã ban hành quy chế kiểm toán nội bộ. Kiểm toán nội bộ chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm tra kế toán của công ty. Cụ thể, kiểm toán nội bộ thực hiện và kiểm soát hoạt động của Công ty, độ tin cậy và chính xác của các thông tin tài chính, quá trình tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Ban kiểm toán nội bộ còn tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các biện pháp để khắc phục những tồn tại từ hệ thống quản lý và quản trị của Công ty.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (đính kèm)

Bắc Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2025

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHÓ CHỦ TỊCH



VŨ ANH THÁI



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global (gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/07/2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 05/11/2024.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- Điện thoại : (84-204) 2244.903

Hoạt động kinh doanh của Công ty là bán buôn khí đốt, các sản phẩm liên quan và các hoạt động khác.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 của Công ty là 232.427.320.000 VNĐ, tương đương với 23.242.732 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VNĐ/1 cổ phần.

Ngày 15/06/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global đã niêm yết trên HSX với mã chứng khoán TDG.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	17/05/2024	
Ông Võ Anh Thái	Chủ tịch HĐQT		17/05/2024
	Phó Chủ tịch HĐQT	17/05/2024	
Ông Đinh Phú Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	17/05/2024	
Ông Lê Minh Hiếu	Thành viên HĐQT		
Ông Trần Đình Cơ	Thành viên HĐQT		

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Minh Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hà Bắc	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát Công ty:

Bà Lương Hải Yến	Trưởng ban kiểm soát
Ông Dương Đình Chiến	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

- Ông Võ Anh Thái – Phó Chủ tịch HĐQT (sinh ngày 01/10/1962; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 001062000466 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 07/11/2022).

- Ông Lê Minh Hiếu – Tổng Giám đốc (sinh ngày 17/05/1975; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 001075002300 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021).

- Ông Trương Đình Hải – Chủ tịch HĐQT (sinh ngày 25/02/1977; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 001077020768 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 14/04/2023).

- Ông Đinh Phú Minh – Phó Chủ tịch HĐQT (sinh ngày 12/11/1979; dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam; căn cước công dân số 030079000047 do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 12/11/2019).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tái chính, tính hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



La Minh Hiếu
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2025



Số: 049/2025/BCKTHN-PB.00553

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ động, Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tái chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2023-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

NGUYỄN VĂN VINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5023-2025-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		507.591.542.450	394.685.923.190
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	50.774.077.928	12.585.624.203
1. Tiền	111		50.774.077.928	12.585.624.203
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	38.965.825.600	42.886.060.400
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		38.965.825.600	42.886.060.400
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.512.103.011	107.846.554.217
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	185.478.521.443	93.447.582.481
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	33.543.997.346	12.446.119.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.489.584.222	1.952.852.536
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	193.100.615.136	221.414.034.847
1. Hàng tồn kho	141		193.100.615.136	221.414.034.847
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		4.238.920.775	9.953.649.523
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.238.920.775	9.952.882.261
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	-	767.262
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		353.565.815.952	259.599.499.680
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		60.000.000	60.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	60.000.000	60.000.000
II/ Tài sản cố định	220		12.740.612.876	13.704.567.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	11.239.107.064	11.944.880.260
- Nguyên giá	222		25.845.493.202	25.845.493.202
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.606.386.138)	(13.900.612.942)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	1.419.999.992	1.678.181.816
- Nguyên giá	225		1.807.272.727	1.807.272.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(387.272.735)	(129.090.911)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	81.505.820	81.505.820
- Nguyên giá	228		81.505.820	81.505.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240	5.11	56.636.026.339	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		56.636.026.339	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	59.998.091.475	60.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		59.998.091.475	60.000.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		224.131.085.262	185.834.931.784
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	224.131.085.262	185.834.931.784
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		861.157.358.402	654.285.422.870

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nềnh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		616.906.911.965	415.687.047.707
I/ Nợ ngắn hạn	310		477.355.475.938	371.158.051.635
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	127.741.953.394	81.697.257.778
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.026.088.104	367.301.267
3. Phải trả người lao động	314		124.450.150	134.345.651
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.730.695.582	822.096.049
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	1.253.826.000	1.198.000.890
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	-	132.000.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	345.478.462.708	286.807.050.000
II/ Nợ dài hạn	330		139.551.436.027	44.528.996.072
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	718.860.240	718.860.240
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	138.832.575.787	43.810.135.832
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		244.250.446.437	238.598.375.163
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	244.250.446.437	238.598.375.163
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		232.427.320.000	193.691.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		232.427.320.000	193.691.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.823.126.437	44.906.655.163
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.164.900.178	41.100.708.302
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.658.226.259	3.805.946.861
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		861.157.358.402	654.285.422.870



Lê Minh Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Bắc Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Linh Hương
 Kế toán trưởng

Đặng Thị Lợi
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.471.321.770.177	1.355.457.685.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.471.321.770.177	1.355.457.685.468
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.409.254.118.076	1.285.881.480.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.067.652.101	69.576.205.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.169.569.984	1.821.868.840
7. Chi phí tài chính	22	6.4	30.294.630.276	28.964.163.139
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.075.766.122	28.719.163.139
8. Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	24		(641.619)	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	21.588.654.172	31.844.958.753
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.787.189.128	5.445.000.287
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.566.106.890	5.143.951.921
12. Thu nhập khác	31	6.7	2.020.150.801	5.001
13. Chi phí khác	32	6.8	2.911.290.423	968.727.794
14. Lợi nhuận khác	40		(891.139.622)	(968.722.793)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.674.967.268	4.175.229.128
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.016.741.009	369.282.267
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.658.226.259	3.805.946.861
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		5.658.226.259	3.805.946.861
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	283	203
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	283	203



Lê Minh Hiếu
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Linh Hương
Kê toán trưởng

Đặng Thị Lợi
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.674.967.268	4.175.229.128
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	963.955.020	834.864.108
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.189.720.785)	(1.821.868.840)
- Chi phí lãi vay	06	30.075.766.122	28.719.163.139
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.524.967.625	31.907.387.535
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(74.258.444.887)	76.545.372.249
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	28.313.419.711	(77.915.792.956)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	44.983.930.997	1.448.872.314
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.296.153.478)	(4.888.794.113)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(29.167.166.589)	(28.717.598.414)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(367.301.267)	(2.881.655.798)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.266.747.888)	(4.502.209.183)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(88.523.662.339)	(1.807.272.727)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.100.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.100.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(60.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.545.065.625	17.151.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(79.878.596.714)	(67.890.121.027)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	9.223.410.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.028.393.984.182	868.170.010.957
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(874.700.131.519)	(802.025.797.957)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(360.054.336)	(1.114.720.521)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	153.333.798.327	74.252.902.479

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nến, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	38.188.453.725	1.860.572.269
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.585.624.203	10.725.051.934
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>50.774.077.928</u>	<u>12.585.624.203</u>



Lê Minh Hiếu
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Linh Hương
Kế toán trưởng

Đặng Thị Lợi
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global (gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 13/07/2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400345718 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp thay đổi lần thứ 25 ngày 05/11/2024.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 của Công ty là 232.427.320.000 VND, tương đương với 23.242.732 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 VND/1 cổ phần.

Ngày 15/06/2017 Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global đã niêm yết trên HSX với mã chứng khoán TDG.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: bán buôn khí đốt, các sản phẩm liên quan và các hoạt động khác.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 2003000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan: Mua bán khí đốt hoá lỏng;
- Bán buôn sắt thép: Kinh doanh sắt thép các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global.

1.6 Cấu trúc của Công ty

Chi nhánh	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global	29 Giang Văn Minh, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Đầu tư TDG Global – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng trệt, 114 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH 1TV Đầu tư hạ tầng TDG Global	Lạng Sơn, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100%	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Power Trade	Lạng Sơn, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	20%	20%	20%

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.8 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nhân viên của Công ty là 14 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 13 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập, nguyên tắc Báo cáo tài chính hợp nhất****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tuân thủ quy định của hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết được lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Công ty cũng lập và phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất. Để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Danh sách các báo cáo tài chính các công ty được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập dựa theo các Báo cáo tài chính sau:

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần đầu tư TDG Global cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC – CN Phía Bắc;
- Báo cáo tài chính của Công ty con – Công ty TNHH 1TV Đầu tư hạ tầng TDG Global cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 do Công ty tự lập;

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.4 Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hoá là khí hoá lỏng được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Hàng hoá là thép các loại và thành phẩm vỏ bình gas được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Vô bình gas

Giá trị vô bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
TSCĐ khác	03 - 05

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

4.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá nếu có bằng chứng cho thấy giá trị thị trường của Bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tái sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty con:

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Một khoản đầu tư được coi là nắm quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ đi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hoặc thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm đa số thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại Công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện phân phối lợi nhuận tại thời điểm báo cáo.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hoá, dịch vụ. Các khoản chi phí phát sinh trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp các khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.21 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.22 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.23 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH 1TV Đầu tư hạ tầng TDG Global	Công ty con
Công ty Cổ phần Power Trade	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	7.837.167.764	4.927.308.132
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.936.910.164	7.658.316.071
Cộng	50.774.077.928	12.585.624.203

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	38.965.825.600	38.965.825.600	42.886.060.400	42.886.060.400
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	38.965.825.600	38.965.825.600	42.886.060.400	42.886.060.400
Cộng	38.965.825.600	38.965.825.600	42.886.060.400	42.886.060.400

- (i) Đây là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam -- Chi nhánh Bắc Giang, lãi suất 6,1%/năm, lãi nhận cuối kỳ. Tại ngày 31/12/2024, toàn bộ số tiền gửi trên đang được thế chấp tại ngân hàng sở tại để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.2.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp VCSH VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp VCSH VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	60.000.000.000	59.998.091.475	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty Cổ phần Power Trade	60.000.000.000	59.998.091.475	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	60.000.000.000	59.998.091.475	60.000.000.000	60.000.000.000

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình hoạt động
Công ty Cổ phần Power Trade	Thôn Hồng Vi, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Công ty hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	185.478.521.443	-	93.447.582.481	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí Thịnh Vương	-	-	30.466.547.996	-
Công ty TNHH Thương mại sản xuất sắt thép Đình Khang	-	-	11.336.351.400	-
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình IPC	11.693.517.000	-	18.191.836.740	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Thái Lan	-	-	12.928.245.000	-
Công ty Cổ phần tập đoàn IPC	34.732.788.145	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Kết cấu thép IPC	25.866.765.166	-	-	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thúy Triều	38.980.132.640	-	-	-
Các khách hàng khác	74.205.318.492	-	20.524.601.345	-
Cộng	185.478.521.443	-	93.447.582.481	-

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các khách hàng khác	33.543.997.346	-	12.446.119.200	-
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Ân	-	-	12.100.000.000	-
Công Ty TNHH Kinh Doanh Vá Xây Dựng Hải Yến (i)	31.887.636.000	-	-	-
Các đối tượng khác	1.656.361.346	-	346.119.200	-
Cộng	33.543.997.346	-	12.446.119.200	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(i) Đây là khoản trả trước theo điều khoản hợp đồng số 86/2024/HĐTC/TDG-HY ngày 16/09/2024 cho nhà thầu thực hiện thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2.

5.5 Phải thu khác**5.5.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	1.489.584.222	-	1.952.852.536	-
Kỳ quỹ, ký cược ngắn hạn	8.758.498	-	8.833.463	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.479.036.900	-	1.854.532.541	-
Phải thu khác	1.788.824	-	89.486.532	-
Cộng	1.489.584.222	-	1.952.852.536	-

5.5.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	60.000.000	-	60.000.000	-
Kỳ quỹ, ký cược	60.000.000	-	60.000.000	-
Cộng	60.000.000	-	60.000.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm	-	-	108.292.501.268	-
Hàng hoá	193.100.615.136	-	113.121.533.579	-
Cộng	193.100.615.136	-	221.414.034.847	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ (i)	224.131.085.262	185.834.931.784
Cộng	224.131.085.262	185.834.931.784

(i) Công cụ dụng cụ chờ phân bổ dài hạn là giá trị còn lại của Vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng:

- Số dư đầu năm: 185.834.931.784 VND.
- Vỏ bình gas mới đưa vào sử dụng trong năm: 75.312.081.601 VND.
- Số phân bổ trong năm: 37.015.928.123 VND.
- Số dư cuối năm: 224.131.085.262 VND.

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	17.946.189.677	7.324.291.403	575.012.122	25.845.493.202
Mua trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	<u>17.946.189.677</u>	<u>7.324.291.403</u>	<u>575.012.122</u>	<u>25.845.493.202</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	6.912.042.788	6.550.791.357	437.778.797	13.900.812.942
Khấu hao trong năm	476.039.869	181.999.992	47.733.335	705.773.196
Tại ngày 31/12/2024	<u>7.388.082.657</u>	<u>6.732.791.349</u>	<u>485.512.132</u>	<u>14.606.386.138</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	11.034.146.889	773.500.046	137.233.325	11.944.880.260
Tại ngày 31/12/2024	<u>10.558.107.020</u>	<u>591.500.054</u>	<u>89.499.990</u>	<u>11.239.107.064</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Tại ngày 01/01/2024	4.789.296.019	5.504.291.403	288.612.121	10.582.199.543
Tại ngày 31/12/2024	<u>4.789.296.019</u>	<u>5.504.291.403</u>	<u>288.612.121</u>	<u>10.582.199.543</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.9 Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	1.807.272.727	1.807.272.727
Tại ngày 31/12/2024	1.807.272.727	1.807.272.727
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	129.090.911	129.090.911
Khấu hao trong năm	258.181.824	258.181.824
Tại ngày 31/12/2024	387.272.735	387.272.735
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	1.678.181.816	1.678.181.816
Tại ngày 31/12/2024	1.419.999.992	1.419.999.992

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	81.505.820	81.505.820
Tại ngày 31/12/2024	81.505.820	81.505.820
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư tại 01/01/2024	81.505.820	81.505.820
Số dư tại 31/12/2024	81.505.820	81.505.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.11 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	56.636.026.339	-
Dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2 (i)	56.636.026.339	-
Cộng	56.636.026.339	-

(i) Dự án cụm công nghiệp Bắc Sơn 2 đang được triển khai theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 19/5/2023:

- Nhà đầu tư: Công ty CP Đầu tư TDG Global.
- Thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH 1TV Đầu tư hạ tầng TDG Global.
- Tổng mức đầu tư: 285,892 tỷ đồng, trong đó 100 tỷ là vốn tự có và 185,892 tỷ là vốn vay.
- Quy mô dự án: Tổng diện tích thực hiện dự án là 25 ha.
- Địa điểm thực hiện dự án: thôn Hồng Vi, xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.
- Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được Nhà nước cho thuê đất.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp	127.741.953.394	127.741.953.394	81.697.257.778	81.697.257.778
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Tín Nghĩa	56.377.364.555	56.377.364.555	56.305.901.248	56.305.901.248
Công ty TNHH Một thành viên Thuận Phát Hải Dương	-	-	17.906.231.112	17.906.231.112
Công ty TNHH thép Cường Phát DST	25.549.165.048	25.549.165.048	-	-
Công ty Cổ phần tập đoàn VJCO	12.174.752.304	12.174.752.304	-	-
Các nhà cung cấp khác	33.640.671.487	33.640.671.487	7.485.125.418	7.485.125.418
Cộng	127.741.953.394	127.741.953.394	81.697.257.778	81.697.257.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	367.301.267	1.016.741.009	367.301.267	-	1.016.741.009
Thuế thu nhập cá nhân	767.262	-	25.234.092	15.119.735	-	9.347.095
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	102.294.211	102.294.211	-	-
Cộng	767.262	367.301.267	1.148.269.312	488.715.213	-	1.026.088.104

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.730.695.582	822.096.049
Cộng	1.730.695.582	822.096.049

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Doanh thu cho thuê xưởng	1.253.826.000	1.198.000.890
Cộng	1.253.826.000	1.198.000.890

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.16 Các khoản phải trả khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	-	-	132.000.000	132.000.000
Phải trả khác	-	-	132.000.000	132.000.000
Cộng	-	-	132.000.000	132.000.000

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả các đối tượng khác	718.860.240	718.860.240	718.860.240	718.860.240
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	718.860.240	718.860.240	718.860.240	718.860.240
Cộng	718.860.240	718.860.240	718.860.240	718.860.240

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	VND	VND	năng trả nợ VND
1>Vay ngắn hạn	343.938.462.708	343.938.462.708	930.101.489.891	872.970.077.183	286.807.050.000	286.807.050.000
Ngân hàng MBBank - CN Đống Đa (i)	120.000.000.000	120.000.000.000	264.907.674.000	194.907.674.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN tỉnh Bắc Giang (ii)	113.500.000.000	113.500.000.000	358.564.956.102	359.864.956.102	114.800.000.000	114.800.000.000
Ngân hàng TPBank - Hội sở	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng VPBank - CN Chương Dương (iii)	39.675.856.000	39.675.856.000	98.779.009.186	97.629.153.186	38.526.000.000	38.526.000.000
Ngân hàng BIDV - CN Đống Đa (iv)	70.762.606.708	70.762.606.708	207.849.850.603	218.568.293.895	81.481.050.000	81.481.050.000
2> Vay dài hạn đến hạn trả	1.540.000.000	1.540.000.000	1.540.000.000	-	-	-
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN tỉnh Bắc Giang (v)	1.540.000.000	1.540.000.000	1.540.000.000	-	-	-
Cộng	345.478.462.708	345.478.462.708	931.641.489.891	872.970.077.183	286.807.050.000	286.807.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	-	-	-	2.910.000.000	2.910.000.000	2.910.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN tỉnh Bắc Giang (v)	-	-	-	2.910.000.000	2.910.000.000	2.910.000.000
	-	-				-
2> Nợ thuê tài chính	540.081.496	540.081.496	-	360.054.336	900.135.832	900.135.832
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (vi)	540.081.496	540.081.496	-	360.054.336	900.135.832	900.135.832
3> Trái phiếu	138.292.494.291	138.292.494.291	100.173.630.137	1.881.135.846	40.000.000.000	40.000.000.000
Trái phiếu thường (vii)	138.292.494.291	138.292.494.291	100.173.630.137	1.881.135.846	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	138.832.575.787	138.832.575.787	100.173.630.137	5.151.190.182	43.810.135.832	43.810.135.832

	Năm 2024			Năm 2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	416.839.425	56.785.089	360.054.336	1.156.796.746	42.076.225	1.114.720.521
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	416.839.425	56.785.089	360.054.336	1.156.796.746	42.076.225	1.114.720.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.17.3 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

- (i): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng cấp tín dụng số 221559.24.059.392388.TD ngày 20/06/2024:
- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND, giá trị hạn mức tín dụng đã bao gồm số dư các khoản tín dụng của Khách hàng theo Hợp đồng cho vay số 166302.23.059.392388.TD ngày 16/10/2023 giao kết giữa MB và khách hàng.
 - Thời hạn cho vay: thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa là 05 tháng kể từ ngày giải ngân đến hạn ngày đáo hạn quy định tại VBNN.
 - Mục đích cấp tín dụng: phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khí LPG (Gas) của Khách hàng.
 - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của Khách hàng.
 - Biện pháp đảm bảo: Thế chấp hàng hoá là khí LPG (gas), vỏ bình gas và thương hiệu Thái Dương Gas duy nhất tại MB.
 - Số dư tại thời điểm 31/12/2024 là: 120.000.000.000 VND.
- (ii): Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang theo Hợp đồng cấp tín dụng ngày 08/10/2024 (Gồm Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 2500LAV202400622 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 2500LAV202400623 ngày 08/10/2024):
- Hạn mức tín dụng: 115.000.000.000 VND.
 - Thời hạn cho vay: thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tối đa là 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay.
 - Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động để sản xuất, chiết nạp LPG vào chai, kinh doanh thương mại các mặt hàng như: sắt, thép xây dựng, đá tập, gạch lát các loại...
 - Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay thả nổi có điều chỉnh (kỳ điều chỉnh lãi suất: Agribank Chi nhánh nơi cho vay được quyền chủ động điều chỉnh lãi suất cho vay theo định kỳ 03 tháng/một lần). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng này là 7%/năm (365 ngày).
 - Số dư tại thời điểm 31/12/2024 là: 113.500.000.000 VND.
- (iii): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng cấp cho vay số CLC-24141-01 ngày 27/07/2024:
- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND.
 - Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 27/07/2024, thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần không vượt quá 5 tháng.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh khí gas hoá lỏng.
 - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.
 - Biện pháp đảm bảo: Thế chấp bằng 01 BĐS tại Thửa đất số 68 tờ bản đồ số 7G-IV-29, địa chỉ thửa đất số 9, hẻm 74/13 ngõ Thịnh Hào 1, Tôn Đức Thắng, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Võ Anh Thái và vợ là bà Trần Thị Thanh Thủy theo quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109092644 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội – UBND Quận Đống Đa cấp ngày 15/05/2003; Cầm cố bằng 01 sổ tiền gửi tiết kiệm online số 247940901 và 01 sổ tiền gửi tiết kiệm online số 238023807 thuộc sở hữu của ông Lê Minh Hiếu và bà Nguyễn Thị Xuân Phương; Cầm cố giấy tờ có giá, sổ tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi do bên Ngân hàng/VPSMBC phát hành, tiền ký quỹ trong tài khoản mở tại Bên Ngân hàng được Bên Ngân hàng chấp nhận.
 - Số dư tại thời điểm 31/12/2024 là: 39.675.856.000 VND.
- (iv): Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/7942489/HĐTĐ ngày 24/06/2024:
- Hạn mức cho vay: 115.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nền, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 30/04/2025.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, phát hành thẻ tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.
 - Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.
 - Biện pháp đảm bảo: Các biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các hợp đồng đảm bảo được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.
 - Số dư tại thời điểm 31/12/2024 là: 70.762.606.708 VND.
- (v): Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Giang theo Hợp đồng tín dụng số 2500LAV202200368 ngày 03/07/2020:
- Số tiền cho vay: 5.800.000.000 VND.
 - Phương thức cho vay: Cho vay từng lần.
 - Thời hạn cho vay: 60 tháng.
 - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí đầu tư Dự án "Khu nhà xưởng, nhà kho Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương" để cho thuê.
 - Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng này là 10%/năm, lãi suất cụ thể được ghi trên từng giấy nhận nợ.
 - Số dư tại thời điểm 31/12/2024 là: 1.540.000.000 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong 12 tháng tiếp theo kể từ ngày 31/12/2024 là 1.540.000.000 VND.
- (vi): Hợp đồng cho thuê tài chính số 15.23.03/CTTC ngày 15/06/2023 với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:
- Tài sản cho thuê: Trạm biến áp 1000kVA-22/0.4kV có giá trị 1.988.000.000 VND (đã bao gồm VAT).
 - Số tiền cho thuê: 1.080.163.000 VND, số tiền trả trước: 907.837.000 VND.
 - Thời hạn cho thuê: 36 tháng.
 - Lãi suất cho thuê: Đối với lãi suất trong hạn: lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Vietcombank Sở Giao dịch công bố tại thời điểm đó cộng với biên độ 3%/năm. Đối với lãi suất quá hạn: 150% lãi suất vay trong hạn.
 - Số dư tại thời điểm 31/12/2024 là: 540.081.496 VND.
- (vii): Trong năm, Công ty đã thực hiện các đợt phát hành trái phiếu như sau:
- Công ty phát hành 400 trái phiếu mã TDGH2326001, loại trái phiếu doanh nghiệp thông thường không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, không có tài sản đảm bảo, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 03 năm kể từ ngày phát hành; lãi suất 13,7%/năm; kỳ hạn trả lãi: 01 tháng/lần; mục đích phát hành: tái cơ cấu lại khoản nợ hình thành từ nguồn phát hành trái phiếu TDGBH2223001 đã đáo hạn vào ngày 18/01/2023 và thanh toán khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành: 40.000.000.000 VND. Trái phiếu được chào bán thành công, nhà đầu tư chính là Công ty Cổ phần Chứng khoán APG (đầu tư 95% giá trị trái phiếu phát hành), còn lại là nhà đầu tư cá nhân.
 - Công ty phát hành 1.000 trái phiếu mã TDGH2427001 ngày 13/09/2024, loại trái phiếu doanh nghiệp thông thường không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 03 năm kể từ ngày phát hành; lãi suất 12,5%/năm; kỳ hạn trả lãi: 06 tháng/lần; mục đích phát hành: thực hiện đầu tư dự án Cụm công nghiệp Bắc Sơn 2; Tổng giá trị trái phiếu đã phát hành: 100.000.000.000 VND. Trái phiếu được chào bán thành công, nhà đầu tư chính là Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (đầu tư 99% giá trị trái phiếu phát hành). Tại thời điểm ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào mệnh giá trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nính, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.18.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước					
Tại ngày 01/01/2023	167.700.000.000	-	-	57.869.018.302	225.569.018.302
Tăng vốn trong năm trước	25.991.720.000	-	-	-	25.991.720.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.805.946.861	3.805.946.861
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(16.768.310.000)	(16.768.310.000)
Tại ngày 31/12/2023	193.691.720.000	-	-	44.906.655.163	238.598.375.163
Năm nay					
Tại ngày 01/01/2024	193.691.720.000	-	-	44.906.655.163	238.598.375.163
Tăng vốn trong năm nay (i)	38.735.600.000	-	-	-	38.735.600.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.658.226.259	5.658.226.259
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	(38.735.600.000)	(38.735.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(6.154.985)	(6.154.985)
Tại ngày 31/12/2024	232.427.320.000	-	-	11.823.126.437	244.250.446.437

(i) Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 1705/2024/NQ-ĐHĐCĐTDG ngày 17 tháng 05 năm 2024 như sau:

- VND
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo mức 20% mệnh giá : 38.735.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Minh Hiếu	16.684.200.000	7,18%	25.673.510.000	13,25%
Ông Võ Anh Thái	9.665.210.000	4,16%	19.625.090.000	10,13%
Ông Trương Đình Hải	20.197.200.000	8,69%	-	0,00%
Các cổ đông khác	185.880.710.000	79,97%	148.393.120.000	76,61%
Cộng	232.427.320.000	100%	193.691.720.000	100%

5.18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp đầu năm	193.691.720.000	167.700.000.000
Vốn góp tăng trong năm	38.735.600.000	25.991.720.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối kỳ	232.427.320.000	193.691.720.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	38.735.600.000	16.768.310.000
<i>Trong đó chia bằng cổ phiếu</i>	<i>38.735.600.000</i>	<i>16.768.310.000</i>

5.18.4 Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.242.732	19.369.172
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.242.732	19.369.172
Cổ phiếu phổ thông	23.242.732	19.369.172
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.242.732	19.369.172
Cổ phiếu phổ thông	23.242.732	19.369.172
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.412.775.030.135	1.353.590.053.995
Doanh thu bán thành phẩm	30.924.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.622.740.042	1.867.631.473
Cộng	1.471.321.770.177	1.355.457.685.468

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.360.997.414.403	1.285.881.480.208
Giá vốn của thành phẩm đã bán	32.980.419.667	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.276.284.006	-
Cộng	1.409.254.118.076	1.285.881.480.208

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.169.569.984	1.821.868.840
Cộng	2.169.569.984	1.821.868.840

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	30.075.766.122	28.719.163.139
Chi phí phát hành trái phiếu	218.864.154	245.000.000
Cộng	30.294.630.276	28.964.163.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	984.056.867	972.184.712
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	20.422.597.313	30.690.774.049
Chi phí khấu hao TSCĐ	181.999.992	181.999.992
Cộng	21.588.654.172	31.844.958.753

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.313.726.724	1.248.768.700
Chi phí khấu hao TSCĐ	508.326.288	652.864.116
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.768.093.033	3.039.850.446
Chi phí bằng tiền khác	184.690.933	499.517.025
Cộng	4.787.189.128	5.445.000.287

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán vô hình gas	2.020.150.801	-
Các khoản khác	-	5.001
Cộng	2.020.150.801	5.001

6.8 Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	102.294.211	968.727.794
Các khoản chi phí không được trừ	2.808.996.210	-
Các khoản khác	2	-
Cộng	2.911.290.423	968.727.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Công ty mẹ	1.016.741.009	369.282.267
Chi phí thuế thu nhập hiện hành các đơn vị thành viên	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.016.741.009	369.282.267

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	2.297.783.591	2.220.953.412
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	28.687.635.229	30.690.774.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	963.955.020	834.864.108
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.356.604.058	3.039.850.446
Chi phí khác bằng tiền	184.690.933	499.517.025
Cộng	35.496.668.831	37.289.959.040

6.11 Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**6.11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.658.226.259	3.805.946.861
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	5.658.226.259	3.805.946.861
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.972.431	18.733.660
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	283	203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6.11.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.658.226.259	3.805.946.861
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	5.658.226.259	3.805.946.861
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19.972.431	18.733.660
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	283	203

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn trong kỳ được nhập vào gốc cho kỳ hạn mới	2.179.765.200	1.662.485.100
Hoán đổi trái phiếu	-	32.120.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	38.735.600.000	16.768.310.000

7.2 Tiền thực thu từ đi vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	930.101.489.891	860.045.010.957
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	98.292.494.291	8.125.000.000

7.3 Tiền thực trả nợ gốc vay

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	874.700.131.519	794.145.797.957
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	7.880.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các loại công cụ tài chính của Công ty:

	31/12/2024		Giá trị ghi số 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.774.077.928	-	12.585.624.203	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.028.105.665	-	95.460.435.017	-
Đầu tư tài chính	98.963.917.075	-	102.886.060.400	-
Cộng	336.766.100.668	-	210.932.119.620	-

	31/12/2024		Giá trị ghi số 01/01/2024	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	484.311.038.495		330.617.185.832	
Phải trả người bán và phải trả khác	128.460.813.634		82.548.118.018	
Chi phí phải trả	1.730.695.582		822.096.049	
Cộng	614.502.547.711		413.987.399.899	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.774.077.928	-	-	50.774.077.928
Phải thu khách hàng và phải thu khác	186.968.105.665	60.000.000	-	187.028.105.665
Đầu tư tài chính	38.965.825.600	-	59.998.091.475	98.963.917.075
Cộng	276.708.009.193	60.000.000	59.998.091.475	336.766.100.668
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.585.624.203	-	-	12.585.624.203
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.400.435.017	60.000.000	-	95.460.435.017
Đầu tư tài chính	42.886.060.400	-	60.000.000.000	102.886.060.400
Cộng	150.872.119.620	60.000.000	60.000.000.000	210.932.119.620

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	345.478.462.708	138.832.575.787	-	484.311.038.495
Phải trả người bán và phải trả khác	127.741.953.394	718.860.240	-	128.460.813.634
Chi phí phải trả	1.730.695.582	-	-	1.730.695.582
Cộng	474.951.111.684	139.551.436.027	-	614.502.547.711
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	286.807.050.000	43.810.135.832	-	330.617.185.832
Phải trả người bán và phải trả khác	81.829.257.778	718.860.240	-	82.548.118.018
Chi phí phải trả	822.096.049	-	-	822.096.049
Cộng	369.458.403.827	44.528.996.072	-	413.987.399.899

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan tới Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
Lương thưởng Ban Tổng Giám Đ			410.920.615	373.490.462
Lê Minh Hiếu	Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	410.920.615	373.490.462
Thù lao HĐQT			180.000.000	216.000.000
Trương Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000	72.000.000
Võ Anh Thái	Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	54.000.000	72.000.000
Đình Phú Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	18.000.000	-
Lê Minh Hiếu	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000	36.000.000
Trần Đình Cơ	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000	36.000.000
Thù lao ban kiểm soát			120.000.000	120.000.000
Lương Hải Yến	Trưởng Ban kiểm soát	Thù lao ban kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Dương Đình Chiến	Thành viên Ban kiểm soát	Thù lao ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Trần Thị Thu Hương	Thành viên Ban kiểm soát	Thù lao ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt:

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không còn có các khoản chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt.

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Trong năm, Công ty TDG tự kiểm tra rà soát và xác định được một số hoá đơn mua hàng hoá với các công ty có dấu hiệu rủi ro cao về thuế. Công ty đã khoanh vùng đối với các hoá đơn này để theo dõi và chờ Quyết định của cơ quan thuế.

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa được kiểm tra quyết toán thuế cũng như chưa nhận được Quyết định chính thức nào từ đơn vị thuế quản lý. Công ty có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế liên quan trong tương lai khi có Quyết định của Cơ quan Thuế.

9.4 Số liệu so sánh

Ngày 03/04/2024 Công ty mới phát sinh khoản đầu tư vào công ty con và bắt đầu hợp nhất kinh doanh kể từ ngày này. Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Một số chỉ tiêu được trình bày do Báo cáo tài chính của Công ty điều chỉnh hồi tố, chi tiết như sau:

Khoản mục	Mã số	31/12/2023	01/01/2024 trình bày lại	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	222	24.025.493.202	25.845.493.202	1.820.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	223	(12.854.112.988)	(13.900.612.942)	(1.046.499.954)
Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính	225	3.627.272.727	1.807.272.727	(1.820.000.000)
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định thuê tài chính	226	(1.175.590.865)	(129.090.911)	1.046.499.954
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	3.810.135.832	43.810.135.832	40.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339	40.000.000.000	-	(40.000.000.000)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.108.279.174	367.301.267	(740.977.907)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	44.165.677.256	44.906.655.163	740.977.907
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.110.260.174	369.282.267	(740.977.907)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	3.064.968.954	3.805.946.861	740.977.907

9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TDG GLOBAL

Địa chỉ: Lô D1 KCN Đình Trám, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tái chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Minh Hiếu
Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Nguyễn Thị Linh Hương
Kế toán trưởng

Đặng Thị Lợi
Người lập biểu